

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Địa chỉ Số 168 KP.11, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Website <http://cuongthuan.vn>

Điện thoại (0251) 629 1081

Fax (0251) 629 1082

Email cuongthuan@cuongthuan.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

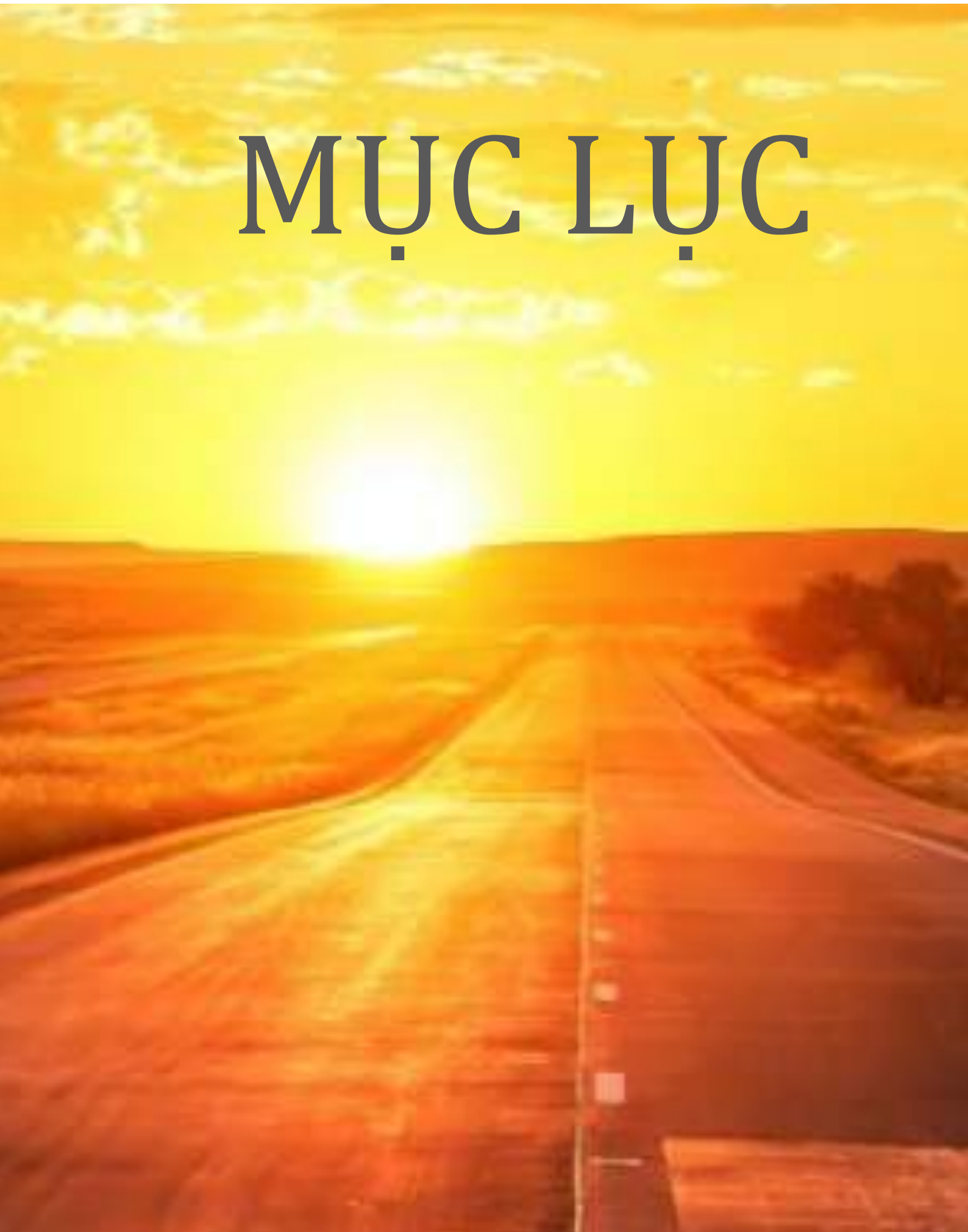


2017

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	21
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	55
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	69
QUẢN TRỊ CÔNG TY	77
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017	89

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Tên giao dịch	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Tên viết tắt	CUONG THUAN IDICO
Tên Tiếng Anh	CUONG THUAN IDICO DEVELOPMENT INVESTMENT CORPORATION
Mã cổ phiếu	CTI
Vốn điều lệ	629.999.970.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	1.408.995.764.480 đồng
Trụ sở chính	Số 168, KP 11, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	(0251) 629 1081
Fax	(0251) 629 1082
Email	cuongthuan@cuongthuan.vn
Website	www.cuongthuan.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3600459834 được cấp lần đầu ngày 19/9/2007 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 29 tháng 7 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Tầm nhìn

Với phương châm

“Tất cả, để **khách hàng** hài lòng”

Cường Thuận IDICO phấn đấu nỗ lực trở thành một thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam về sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Ngày 03/5/2000:
Công ty TNHH
Cường Thuận chính
thức hoạt động với
vốn điều lệ ban đầu
là 4.612.860.000
đồng.

Năm 2007

CTCP Cường Thuận
đổi tên thành CTCP
Đầu tư Phát Triển
Cường Thuận
IDICO.



Năm 2000

- Ngày 19/9/2007: Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.
- Ngày 06/12/2007: Công ty cổ phần Cường Thuận gia nhập thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Phía Nam.
- Ngày 06/12/2007: Công ty cổ phần Cường Thuận gia nhập thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Phía Nam.

Năm 2008



Năm 2010



Ngày 19/03/2010: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức được niêm yết trên Sàn Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2015: CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức giao dịch 17.999.997 cổ phiếu phát hành thêm tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 329.999.970.000 đồng.

Năm 2016



Ngày 21/10/2016: Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 429.999.970.000 đồng.

- Ngày 09/5/2017: CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO thành lập thêm một công ty là "Công ty cổ phần Du lịch Cường Thuận CTI".
- Ngày 29/7/2017: Công ty tăng vốn điều lệ từ 429.999.970.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và phát hành cho cổ đông chiến lược.

Năm 2015



Năm 2017



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Cường Thuận IDICO đã có những nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên thị trường và đạt được những giải thưởng cũng như bằng khen tiêu biểu của các tổ chức, hiệp hội như:

Giấy chứng nhận thương hiệu Việt cho sản phẩm bê tông nhựa nóng Cường Thuận do Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cấp;

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 do Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng cấp;

Giấy chứng nhận là thành viên thương hiệu Việt;

Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm Bê tông nhựa nóng;

Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm cống thoát nước.

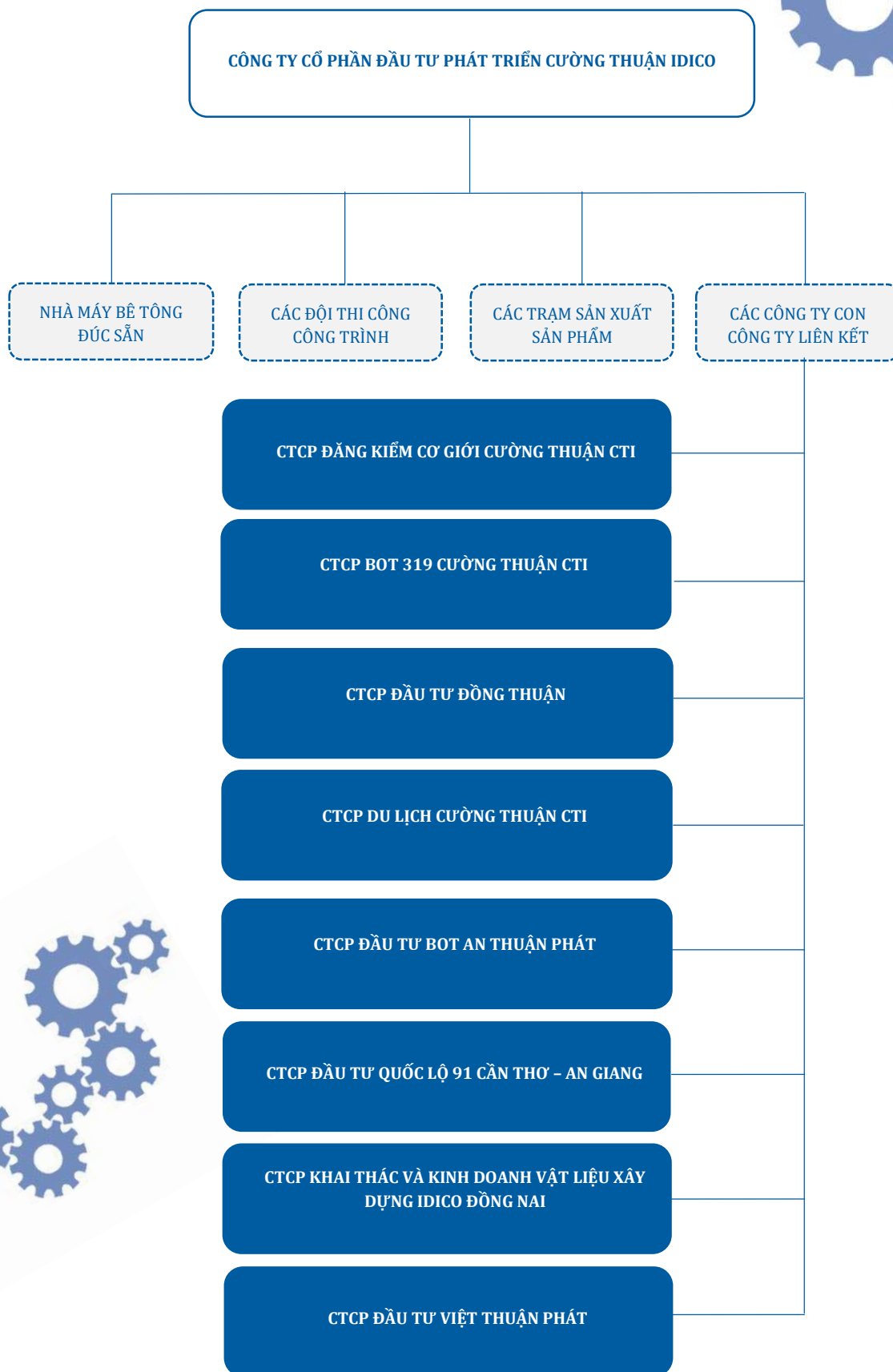
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng công trình đường bộ và công trình theo phương thức B.O.T (bao gồm dự án B.O.T sửa chữa lớn tỉnh lộ 16 (ĐT 760) thành phố Biên Hòa – Đồng Nai);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất các loại bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Và các ngành nghề khác theo Điều lệ Công ty và Pháp luật không cấm

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Cường Thuận IDICO có hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh, thành phố trực thuộc khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế phát triển nhất Việt Nam, dân số đông và dẫn đầu cả nước về đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như những yếu tố xã hội khác. Vốn thu hút nước ngoài của khu vực này dẫn đầu cả nước nổi bật ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

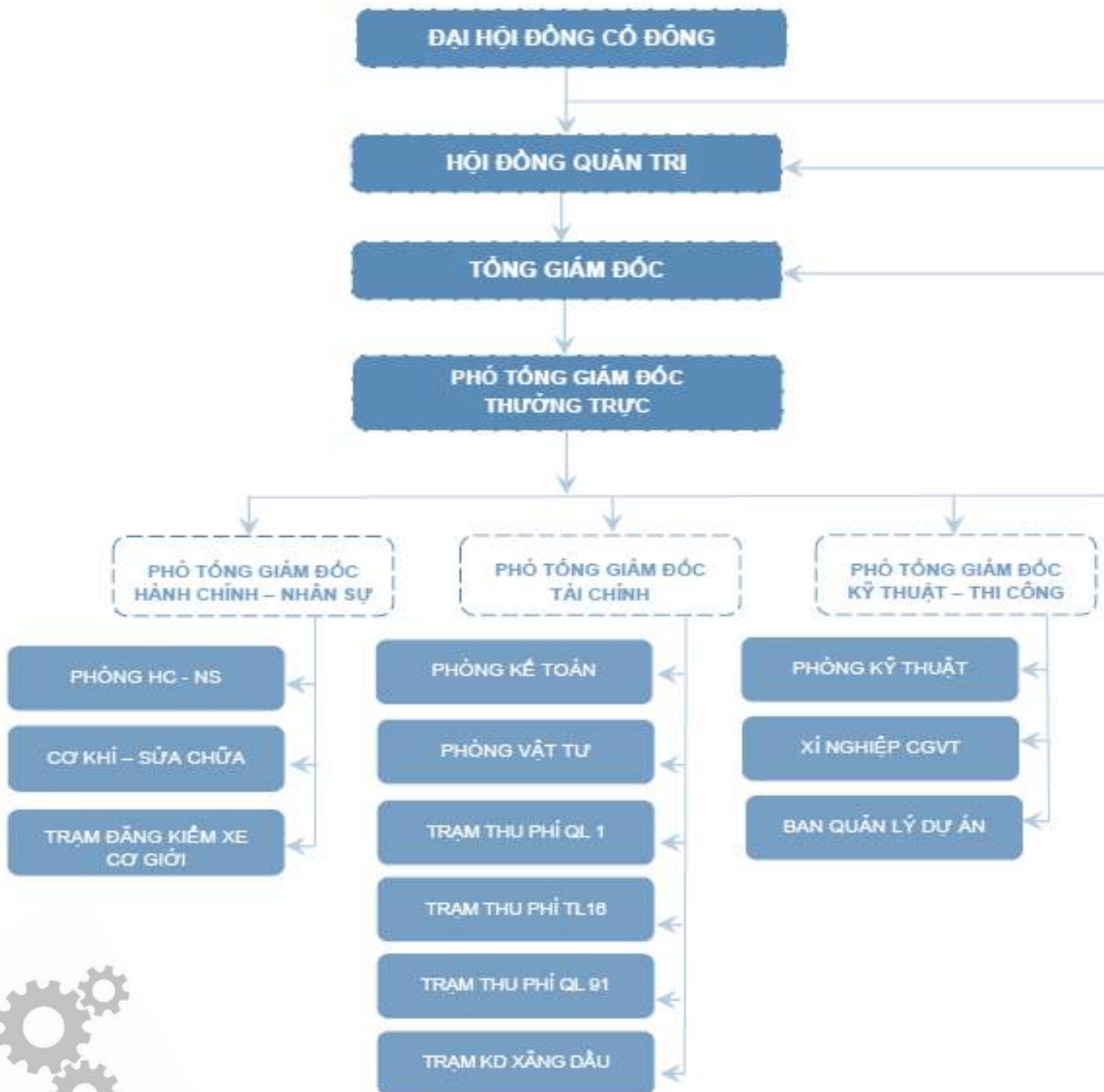


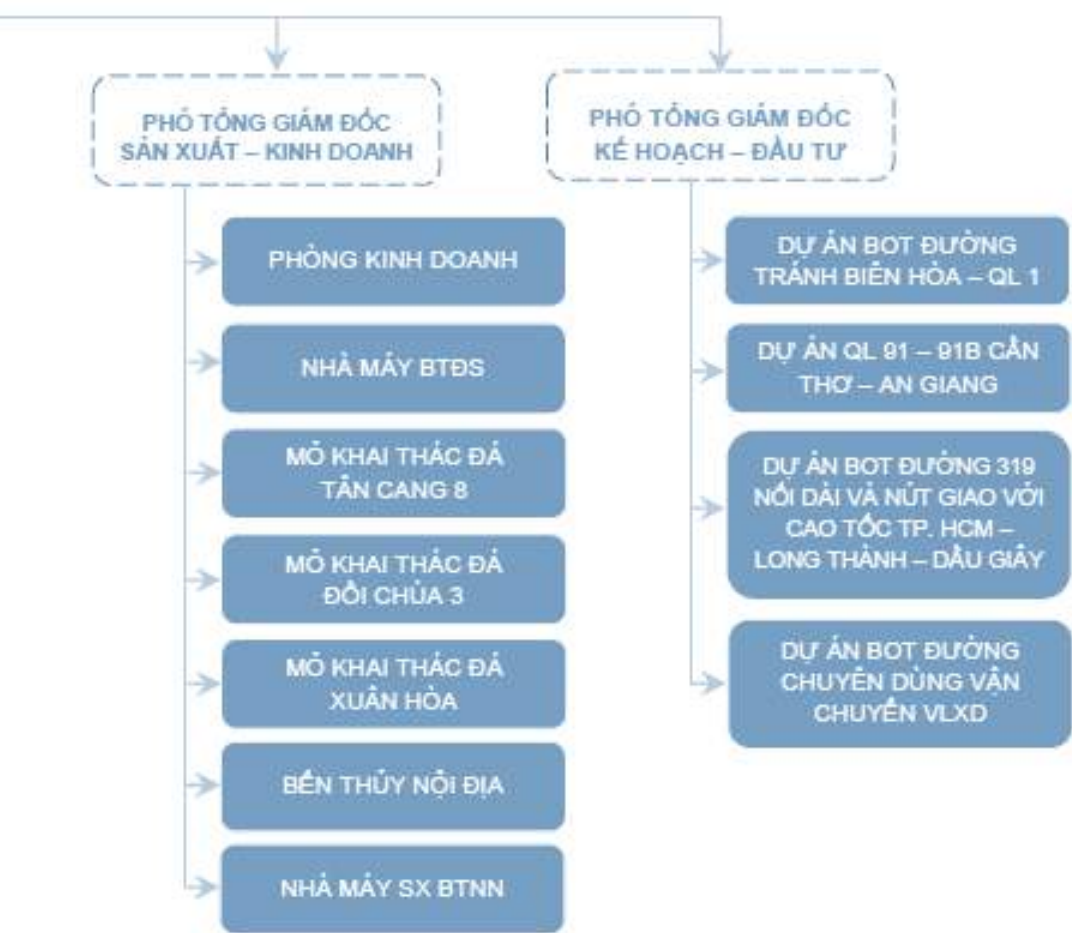


“Tất cả, để **khách hàng** hài lòng”



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





Công ty con, Công ty liên kết

STT	Thông tin	Tỷ lệ
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
1	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỒNG THUẬN</p> <p>Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai</p> <p>Vốn điều lệ: 305.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 83,10%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 83,10%</p>
2	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM CƠ GIỚI CƯỜNG THUẬN CTI</p> <p>Địa chỉ: số 370/2A Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</p> <p>Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác. Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Đăng kiểm xe cơ giới).</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 93,67%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 93,67%</p>
3	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC LỘ 91 CẦN THƠ – AN GIANG</p> <p>Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai</p> <p>Vốn điều lệ: 282.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)); Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch vụ thu phí giao thông.</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 59,57%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 59,57%</p>
4	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BOT AN THUẬN PHÁT</p> <p>Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai</p> <p>Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao BOT); Xây dựng công trình công ích; nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch thu phí giao thông.</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 60%</p>
5	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN BOT 319 CƯỜNG THUẬN CTI</p> <p>Địa chỉ: số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</p> <p>Vốn điều lệ: 140.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình công ích; nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch thu phí giao thông.</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 66,43%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 66,43%</p>
6	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CƯỜNG THUẬN CTI</p> <p>Địa chỉ: số 01B, Đường Tôn Đức Thắng, Tổ 3B KP8, TT Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng</p> <p>Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh nhà hàng ăn uống, điều hành tua du lịch, vận tải hành khách đường thủy nội địa . . .</p>	<p>Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 96,00%</p> <p>Tỷ lệ quyền biểu quyết: 96,00%</p>

Công ty con sở hữu vừa trực tiếp và gián tiếp

1 **CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VLXD IDICO ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Lầu 1, Số 168, Khu phố 11, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát ngoài tỉnh); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 87,85%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 93%

Công ty liên kết

1 **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT THUẬN PHÁT**

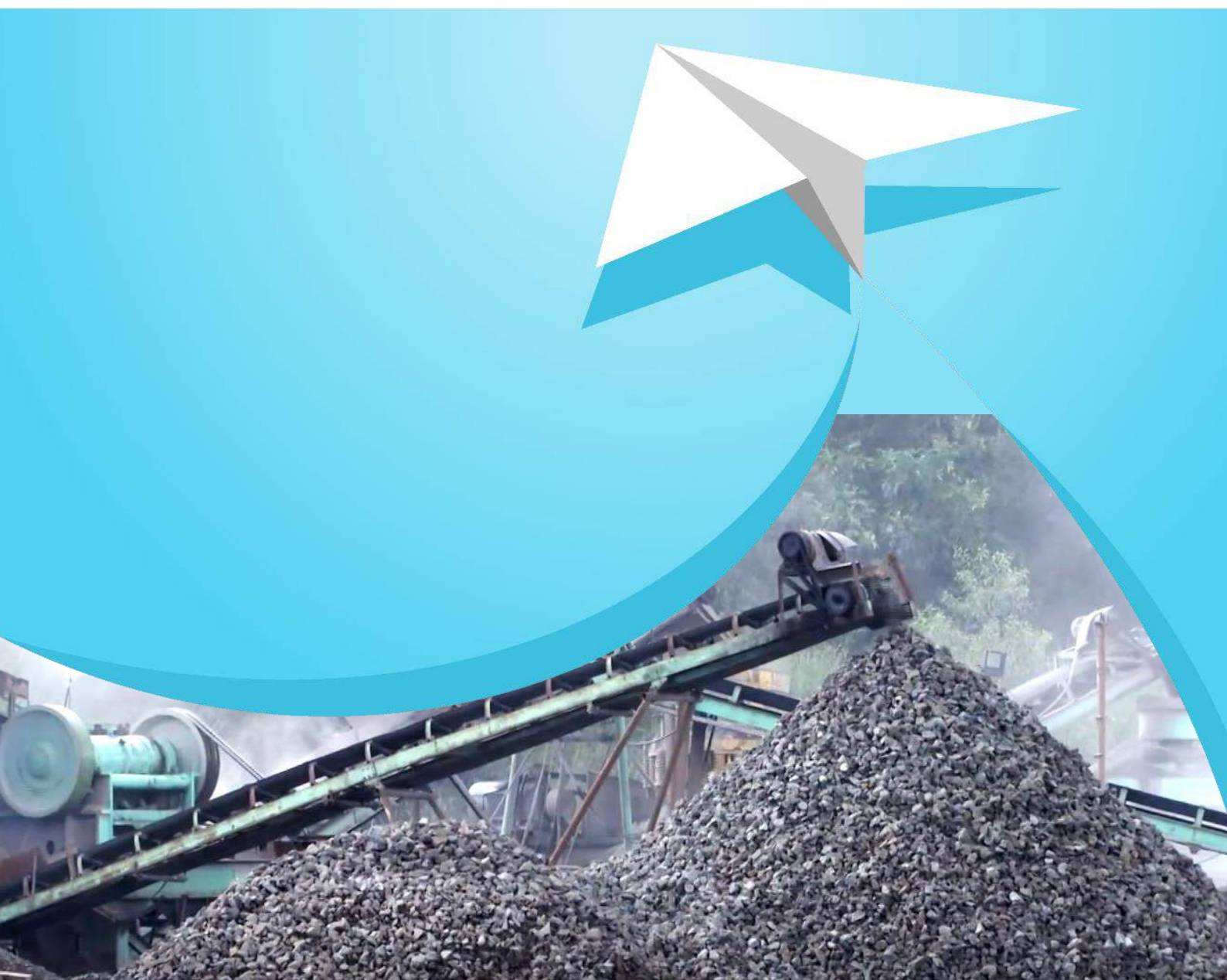
Địa chỉ: số 12/N3, KP1, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi; sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng...

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 35%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Sứ mệnh

Gia tăng giá trị cho các cổ đông, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên và đem lại các lợi ích cho xã hội.

Bằng chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ toàn diện, chúng tôi mang lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi phân khúc thị trường.

Xây dựng công trình chất lượng tốt, giá trị thẩm mỹ cao, tạo nền tảng hạ tầng cơ sở cho sự phát triển địa phương, thay đổi diện mạo đất nước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển sản phẩm.
- Cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí cho việc giảm giá thành sản phẩm và nâng cao sức cạnh cho sản phẩm chủ lực.
- Phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xã hội hóa giao thông, xây dựng hạ tầng xã hội.
- Tập trung ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng (mỏ đá, mỏ cát), lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Gắn liền phát triển doanh nghiệp với bảo vệ môi trường.
- Phát triển thị trường
- Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa
- Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các quốc gia lân cận.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

GDP: Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2017 đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu kế hoạch là 6,7%, đồng thời lạm phát được giữ ở mức 3,53%, thấp hơn mức trần là 4%. Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng rất tốt, các doanh nghiệp đang hoạt động trong một môi trường thuận lợi, tạo điều kiện cho sự phát triển chung của các chủ thể trong nền kinh tế.

Ngành xây dựng duy trì mức tăng trưởng khá với tốc độ 8,7%, thấp hơn so với năm 2016 (10%) đóng góp 0,54 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, đứng thứ ba trong số các ngành đóng góp điểm phần trăm vào mức tăng GDP cả nước. Theo các chuyên gia tài chính và bất động sản, với nhiều tín hiệu tốt từ nền kinh tế vĩ mô cùng với dòng vốn nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam sẽ giúp cho ngành xây dựng tăng trưởng trong thời gian sắp tới, trong đó có CTCP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.



Rủi ro cạnh tranh

Ngành XDCTGTĐB hiện nay hạn chế việc chỉ định thầu mà thông qua hình thức đấu thầu bằng các hợp đồng BOT, BT, PPP. Việc này tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành rất lớn, đòi hỏi phải có mức vốn đầu tư cao, máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại, chi phí cạnh tranh, ... Do đó, Công ty luôn nghiên cứu, học hỏi những kinh nghiệm về chuyên môn, chú trọng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, kêu gọi bổ sung nguồn vốn tài trợ cho các dự án từ các nhà đầu tư chiến lược có nhiều kinh nghiệm chuyên môn trong quản lý và kinh doanh. Đây cũng là một việc làm giúp Công ty giải quyết vấn đề về vốn kinh doanh và hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm nhằm tư vấn đón đầu thị trường, nâng tầm thương hiệu CTI.

Rủi ro pháp luật

Để đạt được mức tăng trưởng cao và hoạt động hiệu trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, hoàn thiện công cụ quản lý Nhà nước luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt với khối lượng công việc lớn. Bộ Xây dựng đảm bảo tiến độ xây dựng 2 dự án Luật (Luật Quản lý phát triển đô thị và Luật Kiến trúc); chủ động rà soát, hoàn thành hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh BĐS, Luật Quy hoạch đô thị và đã được Chính phủ thông qua, đưa vào Đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh 2018. Bên cạnh đó, Bộ trình và được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành 4 Nghị định, 3 Quyết định, 2 Chỉ thị; Bộ Ban hành theo thẩm quyền 13 Thông tư và tiếp tục hoàn thiện 5 văn bản, đề án đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Có thể thấy trong năm 2017 và định hướng trong năm 2018 sắp tới, công tác hoàn thiện khung pháp lý cho ngành xây dựng vẫn còn được tiếp tục đẩy mạnh. Cường Thuận IDICO hoạt động trong ngành sẽ chịu sự chi phối bởi các thay đổi của các văn bản này.

Ngoài ra, CTI là một Công ty đại chúng niêm yết trên sàn HOSE sẽ chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,... Hiện nay, với xu hướng hòa nhập vào sự phát triển chung của thế giới và khu vực, việc quản trị Công ty là một thách thức lớn đòi hỏi CTI phải thay đổi từng ngày, chú trọng hơn trong công tác quản trị, minh bạch thông tin. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ra đời và có hiệu lực ngày 01/8/2017, tiếp đến Thông tư 95/2017/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 06/11/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng đòi hỏi Công ty cần cập nhật liên tục các quy định mới và áp dụng một cách hiệu quả.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Giá vốn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm (thành phẩm công các loại, thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá, bê tông nhựa nóng, dịch vụ, xây lắp,...) chiếm tỷ lệ rất cao so với doanh thu (hơn 75%). Do đó, lợi nhuận của đến từ các sản phẩm này của Công ty phụ thuộc rất lớn vào sự biến động giá của các nguyên vật liệu đầu vào. Với các mỏ đá mà Công ty hiện đang được quyền sử dụng khai thác phần nào bù đắp rủi ro này bởi việc chủ động khai thác, sản xuất và cung ứng dựa theo kế hoạch sản xuất theo từng năm. Tuy nhiên, các chi phí về nhân công, chi phí vận chuyển, cải thiện môi trường,... cũng là một bài toán đặt ra mà Công ty cần phải cân nhắc đến để có được các phương án tối ưu.

Rủi ro lãi suất

Ngành xây dựng đòi hỏi một nguồn vốn đầu tư ban đầu rất lớn, đòi hỏi Công ty phải sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng để tài trợ cho các hạng mục, công trình. Do đó, lãi suất cho vay ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty khi có sự biến động của thị trường. Mặt bằng lãi suất trong năm 2017 tương đối ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Ban lãnh đạo Công ty luôn nghiên cứu thị trường, cân bằng giữa nguồn vốn vay và vốn tự có cũng như lựa chọn thời điểm vay để tối ưu hóa việc sử dụng chi phí, vừa tài trợ cho hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hiện nay chủ yếu là xây dựng công trình giao thông đường bộ (XDCTGTĐB). Các nhân tố rủi ro xảy đến các dự án trong lĩnh vực này ở Việt Nam đã trở thành đối tượng chú ý của các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội vì các dự án xây dựng hầu như bị chậm tiến độ, tăng chi phí và ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng, hiệu quả khai thác. Việc thu phí bất hợp lý trong thời gian qua đã dấy lên nhiều bất cập trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến tình hình chung của ngành và CTI nói riêng. Ở nhiều khía cạnh khác nhau, có thể thấy những rủi ro như sau:

Thứ nhất, các dự án XDCTGTĐB có thời gian xây dựng dài, khối lượng công việc lớn, nguồn vốn đầu tư lớn. *Thứ hai*, các dự án XDCTGTĐB có qui mô xây dựng lớn, chiều dài xây dựng từ vài km đến hàng chục, hàng trăm km, khu vực có liên quan đến xây dựng công trình thường đi qua nhiều vùng miền, nhiều địa phương khác nhau, do đó chịu tác động trực tiếp từ nhiều môi trường khác nhau như chính trị, kinh tế, xã hội, con người, tự nhiên, luật pháp, công nghệ, vật liệu. *Thứ ba*, có nhiều loại công trình khác nhau trong các công trình thoát nước lớn nhỏ, đường hầm, các công trình an toàn giao thông, các công trình phục vụ. Do đó, các dự án XDCTGTĐB yêu cầu sự tham gia của rất nhiều đơn vị. *Thứ tư*, các dự án XDCTGTĐB thực hiện ngoài trời, thời gian và quá trình xây dựng dài, điều kiện khí hậu, địa chất thủy văn và môi trường kinh tế - xã hội của các khu vực khác nhau là khác nhau. Vì vậy, có nhiều nhân tố rủi ro trong các dự án XDCTGTĐB, như những rủi ro trong quá trình ra quyết định phê duyệt, khảo sát, thiết kế, xây dựng, kỹ thuật công nghệ, chất lượng, đầu tư, thiên tai bất khả kháng và còn nhiều nữa, mà hầu như các rủi ro bao trùm toàn bộ quá trình thực hiện xây dựng. *Thứ năm*, quá trình xây dựng thường là duy nhất, hiếm khi có sự lặp lại.



Rủi ro tín dụng

Rủi ro xảy ra khi các đối tác của công ty không thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng (chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng) dẫn đến thiệt hại về mặt tài chính cho công ty. Vì lý do đặc thù của ngành, công ty thường phải thực hiện chính sách bán hàng trả chậm để thu hút khách hàng nên lượng tiền phải thu rất lớn, điều này gây ra rất nhiều rủi ro cho hoạt động kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu điều này, công tác theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu thường xuyên được công ty thực hiện. Ngoài ra, với các khoản tiền gửi ngân hàng, công ty chủ yếu lựa chọn những ngân hàng uy tín hàng đầu của Việt Nam, điều này giúp hạn chế tối đa rủi ro về tín dụng khi gửi tiền tại ngân hàng.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.



TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

Phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

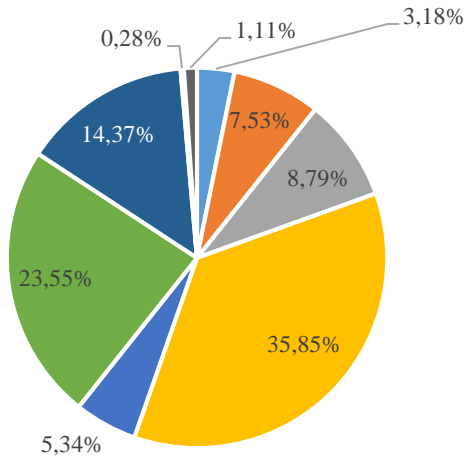
Tình hình sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

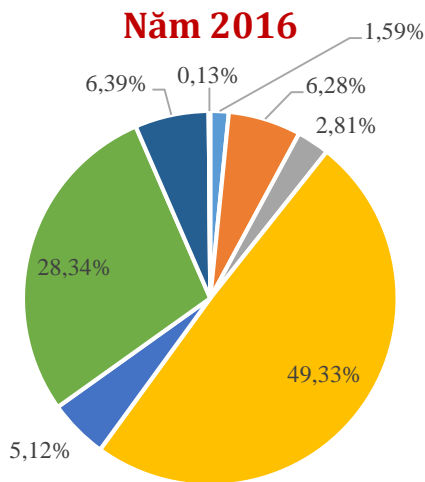
STT	Doanh thu thuần	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng, giảm
1	Bán hàng hóa	16.453	34.732	111,10%
2	Bán thành phẩm cố gắng các loại	64.990	82.392	26,78%
3	Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	29.070	96.065	230,46%
4	Cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	510.137	392.041	-23,15%
5	Thu phí tỉnh lộ 16	52.963	58.342	10,16%
6	Thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	293.126	257.556	-12,13%
7	Thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91	66.044	157.148	137,94%
8	Doanh thu dịch vụ du lịch và nhà hàng	-	3.085	-
9	Khác	1.376	12.098	779,19%
Tổng cộng		1.034.160	1.093.460	5,73%



Năm 2017



Năm 2016



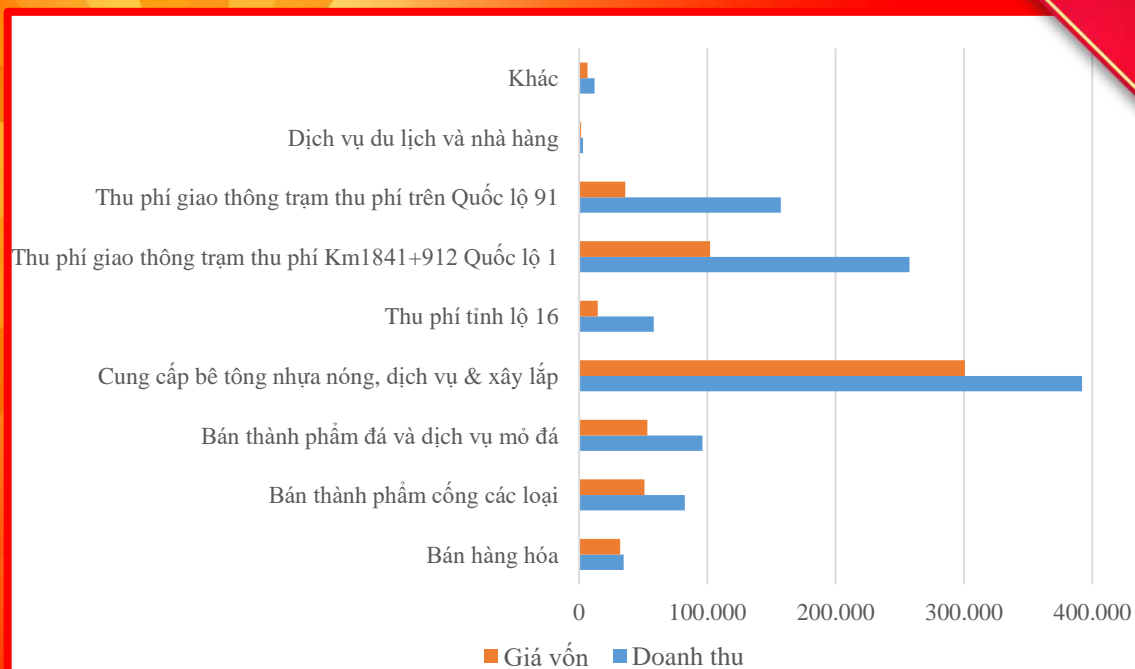
- Bán hàng hóa
- Bán thành phẩm công các loại
- Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá
- Thu phí tỉnh lộ 16
- Thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91
- Khác

- Bán thành phẩm công các loại
- Cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp
- Thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1
- Doanh thu dịch vụ du lịch và nhà hàng

Đóng góp lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty là mảng cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp chiếm tỷ trọng 35,85% năm 2016 và tăng lên 49,33% trong năm 2017. Mảng Thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 chiếm tỉ trọng lớn tiếp theo chiếm 23,55% trong năm 2017 với giá trị hơn 257 tỷ đồng. Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam và là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam nên nhu cầu qua lại của người dân rất cao nên việc thu phí tại trạm thu phí luôn đạt doanh thu cao và chiếm phần quan trọng của Công ty. Trong năm 2017, tuy phải tạm dừng thu phí một thời gian và giảm mức thu giá dịch vụ sử dụng 20% nhưng doanh thu mảng này chỉ giảm 12,13% so với năm 2016. Doanh thu đến từ Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá, Thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91 và doanh thu khác đều có sự tăng trưởng mạnh.

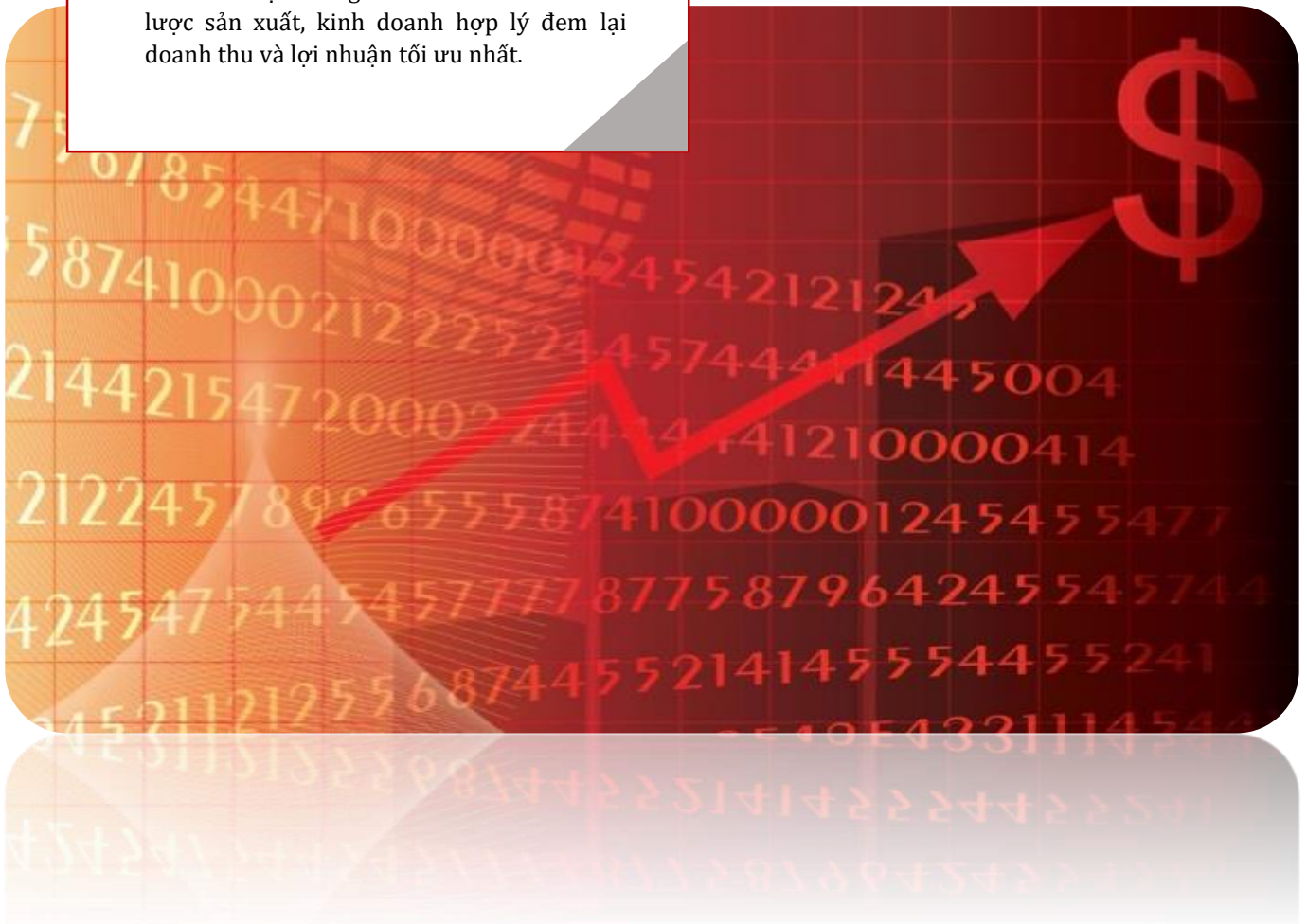


	Doanh thu	Giá vốn	Tỷ trọng GV/DT
Bán hàng hóa	34.732	32.104	92,43%
Bán thành phẩm công các loại	82.392	51.106	62,03%
Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	96.065	53.337	55,52%
Cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	392.041	300.609	76,68%
Thu phí tỉnh lộ 16	58.342	14.580	24,99%
Thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	257.556	102.183	39,67%
Thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91	157.148	36.022	22,92%
Doanh thu dịch vụ du lịch và nhà hàng	3.085	1.707	55,32%
Khác	12.098	6.677	55,19%





Giá vốn các hoạt động sản xuất luôn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Có thể thấy giá vốn hàng bán trong mảng sản xuất như Bán thành phẩm cố các loại, Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá, Cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp, Bán hàng hóa... đều chiếm tỷ trọng trên 55% làm biên lợi nhuận bị thu hẹp. Ở chiều ngược lại, biên lợi nhuận của quyền thu phí các trạm giao thông cao hơn, phần nào bù đắp cho hoạt động sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty luôn cân nhắc, tính toán, nắm bắt thị trường để có thể đưa ra chiến lược sản xuất, kinh doanh hợp lý đem lại doanh thu và lợi nhuận tối ưu nhất.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.627.430	2,58%
2	Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	4.114.000	6,53%
3	Nguyễn Văn Khang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	420.000	0,67%
4	Nguyễn Sỹ Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	6.000	0,01%
5	Đới Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.100	0,002%
6	Phạm Thanh Quảng	Phó Tổng Giám đốc	3.000	0,005%
7	Phạm Mai Thu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	100.000	0,16%





Lý lịch Ban Điều hành

Ông Nguyễn Xuân Quang - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh	02/12/1962
Nơi sinh	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	168, Khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
Quá trình công tác	
03/1993 - 06/2000	Phụ trách đội xe cơ giới Công ty An Bình - BQP
06/2000 - 09/2004	Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình - BQP
09/2004 - 05/2005	Phó giám đốc Công ty An Bình - BQP
05/2005 - 03/2008	Cán bộ Quân đoàn 4 - BQP
03/2008 - 04/2009	Cố vấn HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
04/2009 - 02/2012	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
27/02/2013 - nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO



Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai, chủ tịch HĐQT tại CTCP Đầu tư QL91 Cần Thơ - An Giang và CTCP Đăng kiểm cơ giới Cường Thuận CTI.
Số CP nắm giữ tại thời điểm hiện nay	1.627.430 cổ phần, chiếm 2,58% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 1.627.430 cổ phần, chiếm 2,58% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu CK ở các Công ty khác	- 0 cổ phần -
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	- 5.533.958 cổ phần. - Bà Trương Hồng Loan (Vợ): 4.114.000 CP - Ông Nguyễn Xuân Cường (Con): 419.958 CP - Bà Nguyễn Thị Ngọc Luyến (Con): 500.000 CP - Ông Nguyễn Xuân Quảng (Con): 500.000 CP

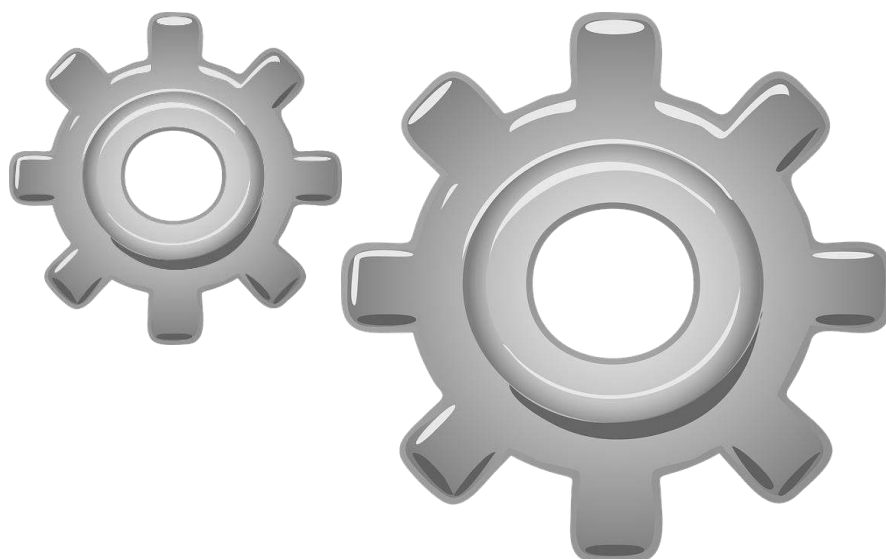


Bà Trương Hồng Loan - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	1969
Nơi sinh	Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	168, Khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Quản Trị Kinh Doanh
Quá trình công tác	
2000 - 09/2007	Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận
09/2007 - 01/2008	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cường Thuận
01/2008 - 27/02/2013	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
27/02/2013 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

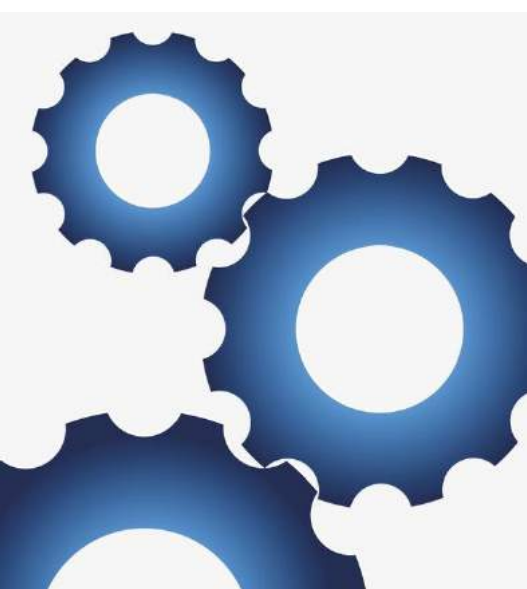


Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	4.114.000 cổ phần, chiếm 6,53% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 4.114.000 cổ phần, chiếm 6,53% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu CK ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số CP nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	3.053.768 CP
	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Xuân Quang (Chồng): 1.627.430 CP - Ông Nguyễn Xuân Cường (Con): 419.958 CP - Bà Nguyễn Thị Ngọc Luyện (Con): 500.000 CP - Ông Nguyễn Xuân Quảng (Con): 500.000 CP



Ông Nguyễn Văn Khang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	17/09/1971
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	0602 Tòa nhà Ruby Tower 2, Sài Gòn Pearl, số 91 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác	
1998 - 2000	Kế toán tổng hợp - Công ty An Bình - BQP
2000 - 05/2005	Phụ trách kế toán Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình - BQP
06/2005 - 08/2007	Phụ trách Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty cổ phần An Bình
2005 - 09/2007	Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH Cường Thuận
09/2007 - 01/2008	Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Cường Thuận
01/2008 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang



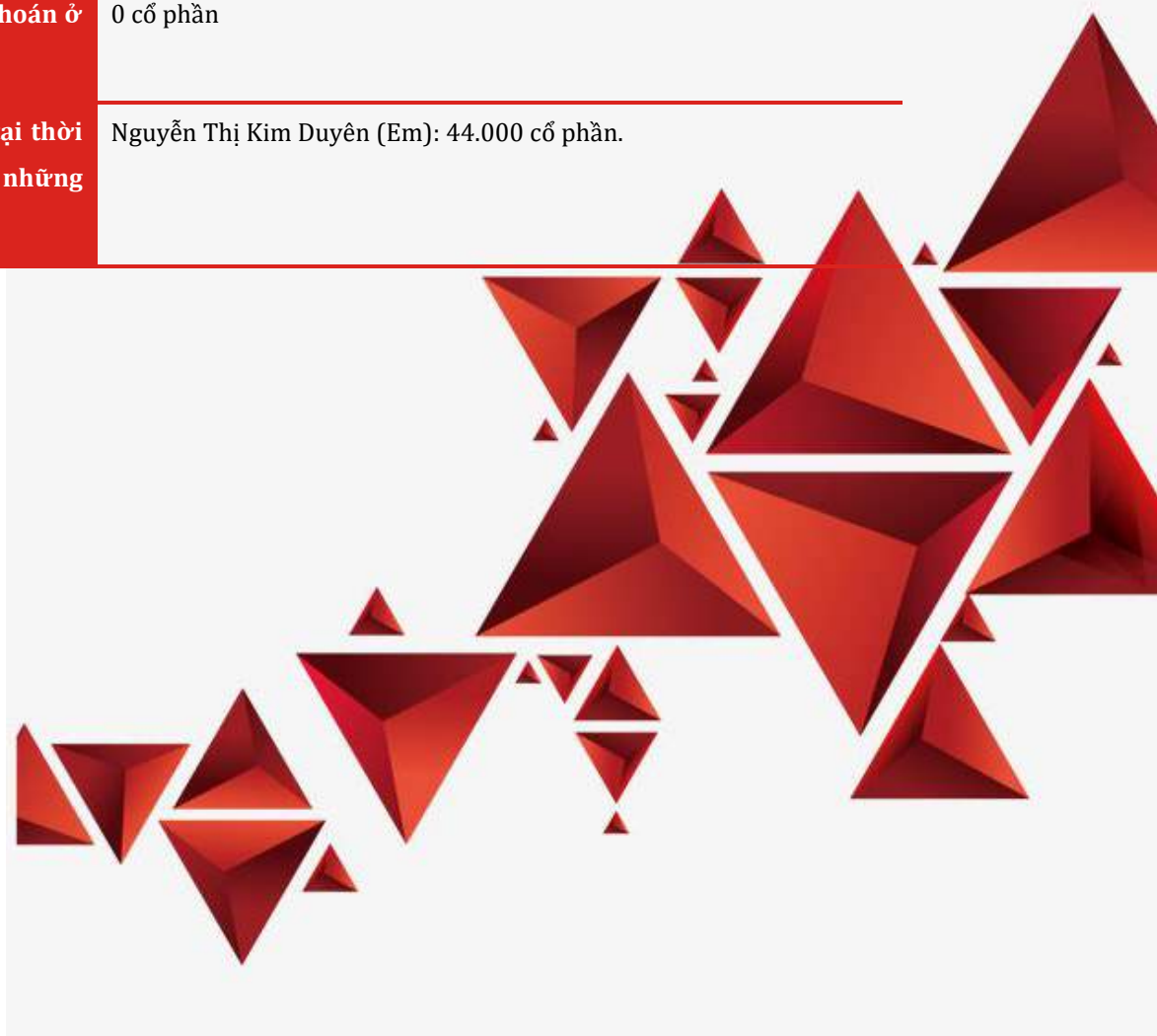
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	440.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 440.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	0 cổ phần



Ông Nguyễn Sỹ Phong - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	02/03/1958
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	14 Lý Thường Kiệt, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tử.
Quá trình công tác	
1979 - 1988	Giáo viên khoa tên lửa trường Trung cấp kỹ thuật phòng không
08/1988 - 06/2003	Chuyển ngành về Công ty giấy Tân Mai phụ trách bộ phận đo lường và điều khiển tự động. Thường vụ ban chấp hành Công đoàn Công ty. Phó phòng hành chính bảo vệ Công ty
07/2003 - 2005	Phó Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận
2006 - 2007	Phó Giám đốc Công ty TNHH DV xử lý môi trường Đồng Nai
11/2007 - 01/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cường Thuận
01/2008 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận, Giám đốc Công ty cổ phần Kỹ thuật và Kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	6.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 6.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Nguyễn Thị Kim Duyên (Em): 44.000 cổ phần.



Ông Phạm Thanh Quảng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	1977
Nơi sinh	Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	236 QL51, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
2000 - 2007	Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Cường Thuận
2007 - 08/2010	Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Cường Thuận
08/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	3.000 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 3.000 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	0 cổ phần

Ông Đới Hùng Cường – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	1977
Nơi sinh	Kon Tum
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	303C7 Chung cư An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cầu đường
Quá trình công tác	
2002 - 2003	Nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần Vận Tải Quốc Tế Hoàng Anh
2003 - 2005	Nhân viên kỹ thuật Công ty An Bình BQP
2005 - 09/2007	Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cường Thuận
09/2007 - 01/2008	Phó phòng kỹ thuật Công ty cổ phần Cường Thuận
01/2008 - 03/2009	Phó Giám đốc kỹ thuật thi công Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
03/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Chức vụ hiện nay tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	1.100 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 1.100 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	0 cổ phần

Bà Phạm Mai Thu – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh	28/01/1973
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 3, Khu phố 2, Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
1996 - 1999	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
2000 - 2001	Quản lý kế toán Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
2002 - 2003	Kế toán trưởng Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
2004 - 2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kỹ thuật DD AVIVA
2009 - 05/2014	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu Tư Đồng Thuận
06/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
Chức vụ hiện nay tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
Đại diện sở hữu	- 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	- 100.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	0 cổ phần



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2017

Không có

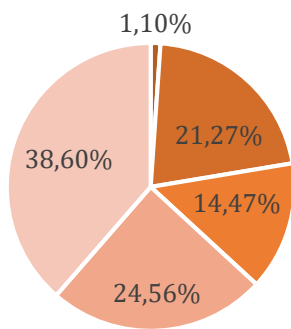
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	456	100,00%
1	Trình độ trên đại học	5	1,10%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	97	21,27%
3	Trình độ trung cấp	66	14,47%
4	Công nhân kỹ thuật	112	24,56%
5	Lao động phổ thông	176	38,60%
II	Theo loại hợp đồng lao động	456	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	150	32,89%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	306	67,11%
III	Theo giới tính	456	100,00%
1	Nam	360	78,95%
2	Nữ	96	21,05%

Thu nhập bình quân

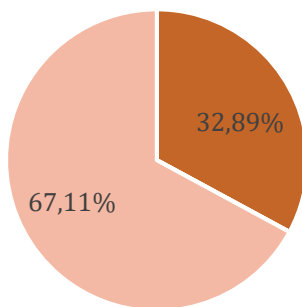
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng người lao động (người)	435	405	461	456
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.500.000	6.800.000	8.600.000	9.200.000

Theo trình độ lao động



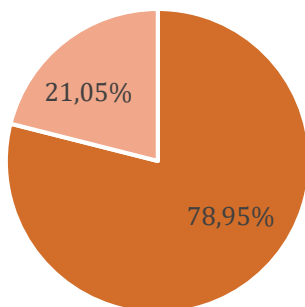
- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Theo loại HĐLĐ



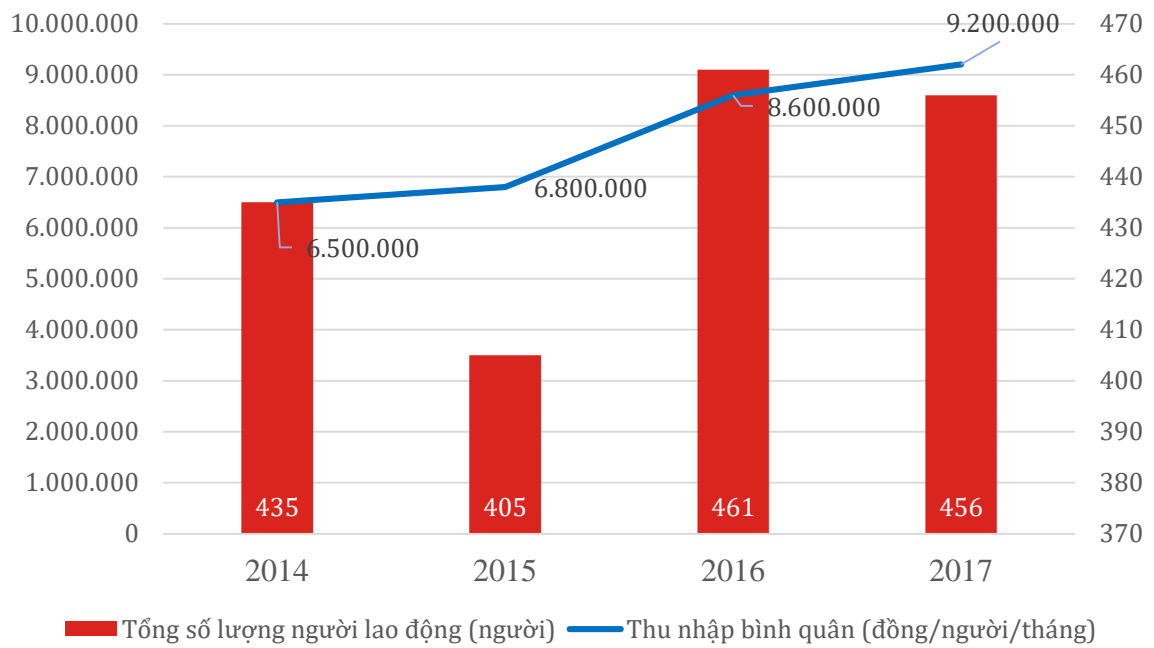
- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Theo giới tính



- Nam
- Nữ





Tiền lương bình quân của người lao động trong Công ty luôn tăng qua từng năm. Công ty luôn chú trọng đến đời sống của người lao động, sắp xếp nhân sự hợp lý vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được diễn ra một cách hiệu quả, tăng sản lượng, tăng doanh thu và từ cơ sở đó tăng tiền lương cho lao động. Lao động của Công ty chủ yếu là Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông. Với mức lương bình quân như trên có thể đảm bảo được đời sống và cải thiện sinh hoạt, khuyến khích người lao động có động lực làm việc và gắn bó lâu dài hơn với Công ty.



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Tùy vào mỗi đối tượng khác nhau công ty sẽ có những chương trình đào tạo phù hợp và rõ ràng. Đội ngũ kỹ sư mới, nhân viên kỹ thuật cũng như công nhân công nghệ đều được hướng dẫn, giới thiệu các quy trình công nghệ mới và tiên tiến trên thế giới. Các kỹ sư đều hoạt động độc lập, tự tham khảo các sách hướng dẫn, tài liệu trên internet cũng như tích lũy thông qua hoạt động hàng ngày. Các thông báo mới đều được truyền đạt thông qua các chuyên đề hoặc trao đổi qua email.

Bên cạnh đó, dựa vào nhu cầu đào tạo nhân viên của từng bộ phận, Công ty sẽ tiến hành tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn bằng cách kết hợp

Về tuyển dụng

Công ty luôn xem trọng năng lực của mỗi nhân viên và luôn động viên, khuyến khích các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có tác phong làm việc chuyên nghiệp. Nhằm thu hút nhân tài, các chính sách lương thưởng đều được công ty phổ biến rõ ràng, công bằng và đặc biệt sẽ có những mức thưởng xứng đáng cho các nhân viên xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, thưởng trong Doanh nghiệp theo tiêu chuẩn riêng của mình. Hàng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời Công ty luôn trang bị đầy đủ thiết bị và phương tiện bảo vệ cá nhân và bồi dưỡng độc hại cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Ngoài ra, Công ty tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên trong ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và tặng quà cho cán bộ công nhân viên diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/07, ngày thành lập quân đội 22/12... Tham gia các hoạt động xã hội như: tương thân tương ái, giúp đỡ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ dưỡng, nghỉ mát hàng năm với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

Môi trường công việc

Công ty luôn mong muốn tạo ra môi trường làm việc hiện đại, công bằng và năng động. Tất cả cán bộ nhân viên tại Công ty đều có cơ hội phát triển tối đa khả năng sáng tạo cũng như kiến thức chuyên môn. Những đóng góp và cống hiến về sức lực và trí tuệ đều được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2017, về cơ bản Công ty đã hoàn thành được các mục tiêu về đầu tư các dự án, trong đó cụ thể đã thi công hoàn thành dự án Xây dựng Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu tại xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa theo hình thức hợp đồng BOT; Thi công xong một số hạng mục trọng yếu như Cầu Đồng Môn và nền đường toàn tuyến của dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HCM-Long Thành; đã hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng dự án Nhà ở xã hội Phường Tam Hòa, cùng nhiều dự án đầu tư khác đang trong giai đoạn xin cấp giấy phép đầu tư... Trong đó cụ thể tình hình triển khai các dự án như sau:

Các dự án đang triển khai đầu tư, xây dựng:



Dự án đường chuyên dùng vận chuyển VLXD

Toàn tuyến có tổng chiều dài hơn 6,0 Km với tổng mức đầu tư trên 200 tỷ đồng. Dự án đã được thi công hoàn chỉnh tuyến và cho lưu thông. Hiện nay, đang tiến hành thực hiện các thủ tục để nghiệm thu dự án và dự kiến sẽ thu phí hoàn vốn dự án trong quý II năm 2018.

- **Dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HCM-Long Thành:**

Đây là dự án đầu tư BOT, dự án là đoạn tuyến đường mới hoàn toàn nối dài từ tỉnh lộ 319 (TL 319) để kết nối vào cao tốc TP. HCM - Long Thành - Dầu Giây. Tổng chiều dài tuyến là 2,39 km và tổng chiều dài phần cầu vượt kết nối với tuyến Cao tốc là 7,07km. Tổng mức đầu tư của dự án khoảng 970 tỷ đồng.

Dự án hiện đã triển khai thi công xong phần đào đắp nền đường toàn tuyến, thi công hoàn chỉnh hạng mục cầu Đồng Môn và đang triển khai thi công các hạng mục cầu Hàng Điều, cầu vượt cao tốc cùng các hạng mục liên quan khác của dự án. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào Quý I năm 2019.



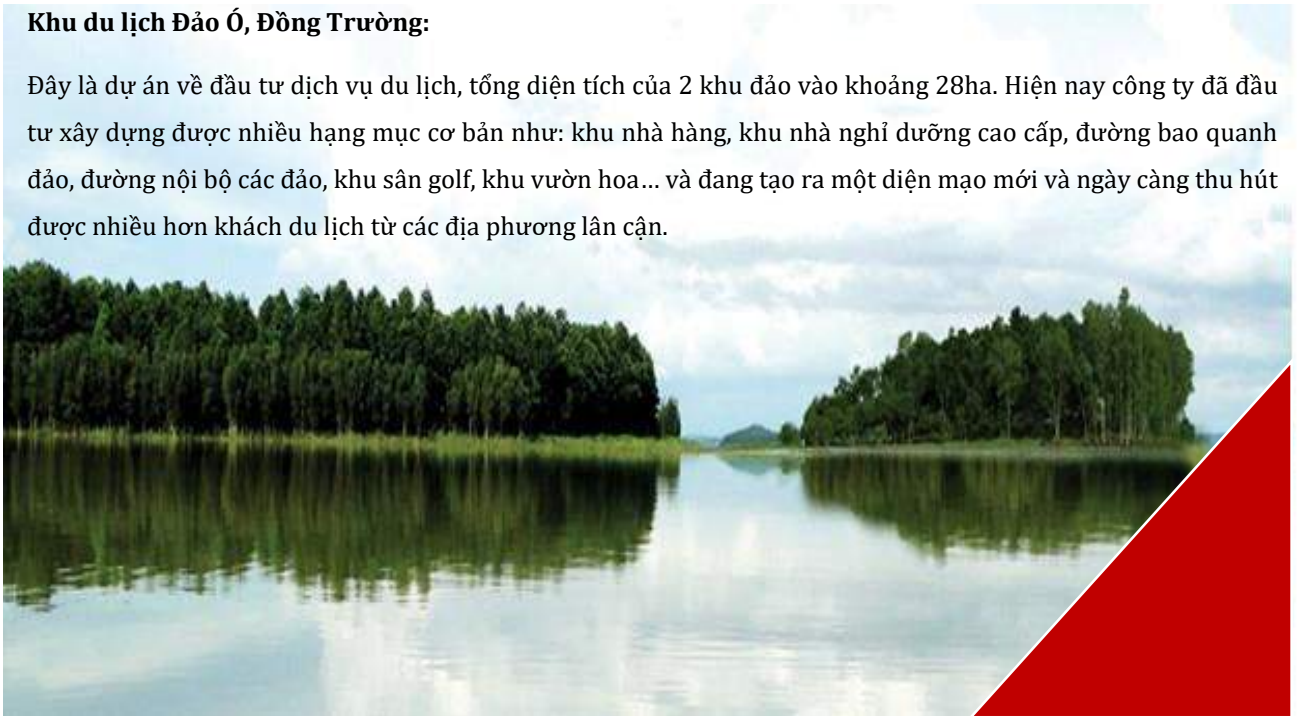
Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa:

Là dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Tỉnh Đồng Nai tại Phường Tam Hòa – TP. Biên Hòa (gần bệnh viện Đa khoa Đồng Nai), dự án có tổng vốn đầu tư vào khoảng 325 tỷ đồng. Dự án gồm hai toà nhà có chiều cao 23 tầng với 456 căn hộ. Dự án đã hoàn tất các thủ tục về đầu tư xây dựng.



Khu du lịch Đảo Ó, Đồng Trường:

Đây là dự án về đầu tư dịch vụ du lịch, tổng diện tích của 2 khu đảo vào khoảng 28ha. Hiện nay công ty đã đầu tư xây dựng được nhiều hạng mục cơ bản như: khu nhà hàng, khu nhà nghỉ dưỡng cao cấp, đường bao quanh đảo, đường nội bộ các đảo, khu sân golf, khu vườn hoa... và đang tạo ra một diện mạo mới và ngày càng thu hút được nhiều hơn khách du lịch từ các địa phương lân cận.



Đầu tư xây dựng bảng quảng cáo dọc tuyến Võ Nguyên Giáp:

Trong năm 2017 Công ty đã tiến hành xây dựng một số móng cột của các biển quảng cáo tại các thửa đất có sẵn của công ty dọc trên tuyến Võ Nguyên Giáp và dự kiến sẽ đưa các biển quảng cáo này vào hoạt động trong Quý II năm 2018.

Đầu tư xây dựng dây chuyền kích dẩy (Jacking pipe)

Mặc dù đã dự kiến đầu tư trong năm 2017, tuy nhiên do nhu cầu thị trường đang còn chậm vì thế trong năm 2018 công ty dự kiến sẽ đầu tư để hiện đại hóa dây chuyền sản xuất cốt thép của công ty, nhằm tạo ra các sản phẩm bê tông cốt thép có cường độ cao và chất lượng tốt để đáp ứng cho các dự án xây dựng tuyến cống thoát nước ngầm sắp triển khai.

Các dự án đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục đầu tư:

- **Dự án khu nhà ở xã hội Xã Phước Tân:**

Đây cũng là dự án xây dựng nhà ở xã hội theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai. Dự án tọa lạc tại khu tái định cư Xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà. Dự án gồm hai toà nhà cao tầng có chiều cao 12 tầng. Hiện dự án đang tiến hành các thủ tục đầu tư và hành chính liên quan.



- **Dự án đường ven Hồ Trị An:**

Đang thực hiện việc đánh giá tác động môi trường để trình Bộ TNMT, Bộ NNPTNT trước khi thực hiện các bước đầu tư tiếp theo. Dự kiến Quý III năm 2018 sẽ hoàn tất các hồ sơ pháp lý, thiết kế liên quan để triển khai dự án.

- **Dự án Khu công nghiệp Phước Bình – Long Thành:**

Dự án có tổng diện tích khoảng 640 ha bao gồm các dự án Khu công nghiệp (khoảng 450ha); Khu dân cư (khoảng 74 ha) và Khu dịch vụ tổng hợp (khoảng 115ha); Hiện đang thực hiện các thủ tục trình thủ tướng chính phủ duyệt quy hoạch.

Các dự án đầu tư đã đưa vào khai thác:



- **Hoạt động kinh doanh xăng dầu – Trạm xăng dầu Cường Thuận IDICO:**

Trạm nằm trên tuyến đường Võ Nguyên Giáp – Xã Phước Tân. Từ năm 2015 đến nay, trạm đã đi vào hoạt động hiệu quả với doanh thu ổn định. Đây chính là đầu mối vừa cung ứng và bán buôn các loại nhiên liệu xăng dầu cho người tiêu dùng và còn là nguồn cung ổn định về nhiên liệu cho hệ thống xe cơ giới hơn 150 chiếc của công ty đang hoạt động thi công, khai thác và vận chuyển hàng hoá.

- **Trạm đăng kiểm cơ giới theo hình thức xã hội hóa:**

“Trạm đăng kiểm xe cơ giới 60-05D” đã đi vào hoạt động trong tháng 09/2016; Trạm hiện đang hoạt động tốt đáp ứng được nhu cầu về kiểm định xe cơ giới trong và ngoài tỉnh.



- **Hoạt động khai thác đá vật liệu xây dựng tại các mỏ đá:**

Bao gồm mỏ đá Tân Cang 8, Mỏ Đá Thiện Tân 10 và Mỏ đá Xuân Hoà (Xuân Lộc)... Hiện nay các mỏ đều hoạt động ổn định và cho sản phẩm với chất lượng tốt và sản lượng tăng ổn định. Dự kiến trong năm 2018, công ty sẽ đầu tư thêm các thiết bị máy xay, thiết bị khai thác mới và hiện đại để nâng cao năng suất khai thác nhằm đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của thị trường.

- **Hoạt động thu phí các dự án BOT:**

Bao gồm các dự án BOT tuyến Quốc Lộ 1A, Tuyến Quốc Lộ 91-91B và Tỉnh Lộ 16; Công tác quản lý thu phí tại các dự án này trong năm qua gặp khá nhiều khó khăn, đặc biệt là tại hai trạm thu phí tuyến Quốc Lộ 1A, Tuyến Quốc Lộ 91-91B do ảnh hưởng của việc các tài xế trả tiền mệnh giá nhỏ, gây rối làm ách tắc giao thông tại trạm thu phí ... đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động và doanh thu của các trạm. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban điều hành đã từng bước tháo gỡ khó khăn đảm bảo tốt công tác quản lý, điều hành hoạt động của các trạm được ổn định.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2016	2017
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	126.204.083.541	143.180.487.831
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(435.997.663.441)	(613.065.570.660)
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	453.216.974.388	487.107.158.215
	Tổng	143.423.394.488	17.222.075.386
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	253.804.662.311	271.026.737.697

Dòng tiền năm 2017 duy trì mức dương cho thấy hoạt động lưu chuyển tiền tệ của Công ty vẫn tốt, đảm bảo thanh khoản trong năm. Dòng tiền đến từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty tăng 13,45% cho thấy sự ổn định trong công tác sản xuất kinh doanh. Để đạt được điều này, Công ty đã kiểm soát tốt từ việc thu hồi công nợ (hơn 53 tỉ đồng), kiểm soát lượng hàng tồn kho (hơn 61 tỉ đồng). Bên cạnh đó, dòng tiền chi cho đầu tư tăng mạnh mà chủ yếu là việc chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác. Việc dòng tiền chi cho các hoạt động đầu tư lớn cũng là một đặc thù đối với ngành xây dựng công trình như CTI nên cũng không xem là một khoản đột biến, việc tăng chi đầu tư này có thể đánh giá trong năm 2017 Công ty mở rộng hoạt động, đầu tư vào máy móc thiết bị cho mảng sản xuất kinh doanh chính.

Dòng tiền lưu chuyển của hoạt động tài chính tăng 7,48% chủ yếu là do việc phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược và thông qua hình thức ESOP. Do việc sử dụng vốn bằng nguồn vốn phát hành nên lượng vốn đi vay của Công ty giảm so với năm 2016, các khoản đi vay của năm trước cũng được thanh toán hơn 634 tỉ đồng cũng là một nhân tố khiến dòng tiền đầu tư không quá biến động. Đóng góp vào luồng tiền ra của dòng tiền đầu tư còn kể đến việc chi trả cổ tức còn lại năm 2016 là 6% và tạm ứng cổ tức năm 2017 là 7% với số tiền hơn 132 tỉ đồng.

Nhìn chung, dòng tiền lưu chuyển trong năm 2017 của Công ty đảm bảo các khoản thu, chi tốt, đảm bảo thanh khoản, tài trợ một cách hiệu quả cho vốn đầu tư cho dự án và chi thường xuyên.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,77	0,99
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,66	0,80
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	76,97	67,25
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	334,14	205,35
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,95	6,20
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,29	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,99	14,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,12	13,41
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,17	3,78
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,13	17,15

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 62.999.997 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 62.999.997 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 28/3/2018)

(Cung cấp thông tin cổ đông gần nhất – theo danh sách chốt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	328	45.390.874	453.908.740.000	72,05%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	12	1.305.860	13.058.600.000	2,07%
3	Cổ đông cá nhân	316	44.085.014	440.850.140.000	69,98%
II	Cổ đông nước ngoài	38	17.609.123	176.091.230.000	27,95%
1	Cá nhân	20	118.953	1.189.530.000	0,19%
2	Tổ chức	18	17.490.170	174.901.700.000	27,76%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	366	62.999.997	629.999.970.000	100,00%



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Chính sách liên quan đến môi trường

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng đến môi trường. Nếu chúng ta đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường thì chắc chắn không có bất kỳ hoạt động kinh tế nào xảy ra. Đặc biệt, với ngành nghề kinh doanh của CTI chủ yếu là lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác các mỏ đã không tránh khỏi sự tác động trực tiếp vào điều kiện tự nhiên và sinh thái của môi trường. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu CTI trong mắt khách hàng, nhà đầu tư. Cụ thể:

- Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho Công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý chất thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hoạt động trong ngành nghề sản xuất; do đó, để ra được một thành phẩm tốt, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải đạt đủ tiêu chuẩn mới có thể đạt hiệu suất là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm chất lượng, bảo đảm quy cách. Việc đánh giá về môi trường xung quanh cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các chỉ số, mức độ phát thải ra môi trường theo những quy chuẩn hướng đến đảm bảo mức tối thiểu những tác động ra môi trường trong quá trình sản xuất của Công ty.
- Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất đáp ứng khối lượng hàng hóa, chất lượng công trình, dự án công bố ra thị trường mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,..., giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.



Chính sách liên quan đến người lao động

Xác định rõ vai trò của việc đào tạo đối với vấn đề nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, Công ty luôn có những biện pháp khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa những người lao động, đồng thời, công ty tiến hành tổ chức các đợt đào tạo chuyên sâu cho công nhân. Bên cạnh việc đào tạo tại chỗ thường niên trong nhà máy, công ty cử các công nhân tham gia các lớp vận hành máy móc đảm bảo an toàn lao động.

Chính sách lương - thưởng là một trong những chính sách cơ bản giúp Công ty thu hút, duy trì và giữ chân người lao động đặc biệt là lao động giỏi. Ý thức được điều này, Công ty luôn nghiên cứu sao cho chính sách lương - thưởng phù hợp với qui định của pháp luật đồng thời tạo động lực cho người lao động nỗ lực làm việc và tạo nên lợi thế cạnh tranh trong việc hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao. Công ty căn cứ vào kết quả công việc của người lao động để áp dụng những hình thức trả lương như: lương thời gian, lương sản phẩm, lương khoán, lương thời gian kết hợp với doanh số... Bên cạnh đó, công ty còn trợ cấp thêm tiền ăn, xăng xe, tổ chức du lịch nghỉ mát định kỳ... tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.


Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các ngày Tết Trung thu, ngày 1/6, công ty cũng tặng quà cho con CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng để hỗ trợ cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các chương trình thiện nguyện giúp đỡ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ những học sinh nghèo vượt khó. Tuy giá trị không lớn nhưng là một phần thể hiện sự trách nhiệm của CTI quan tâm đến cộng đồng, mong đóng góp về mặt vật chất và tinh thần cho địa phương.



BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC





Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm

về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Báo cáo Công ty mẹ (Đã kiểm toán):

Các chỉ tiêu tài chính:

Tổng tài sản	:	1.670,37	tỷ đồng
- Tài sản ngắn hạn	:	527,17	tỷ đồng
- Tài sản dài hạn	:	1.143,19	tỷ đồng
Tổng nguồn vốn	:	1.670,37	tỷ đồng
- Nợ phải trả	:	512,81	tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	1.157,56	tỷ đồng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	731,32 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế	:	149,88 tỷ đồng.

Báo cáo hợp nhất (Đã kiểm toán): Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

Tổng tài sản	:	4.302,30	tỷ đồng
- Tài sản ngắn hạn	:	678,77	tỷ đồng
- Tài sản dài hạn	:	3.623,53	tỷ đồng
Tổng nguồn vốn	:	4.302,30	tỷ đồng
- Nợ phải trả	:	2.893,31	tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	1.408,99	tỷ đồng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu	:	1.093,46 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế	:	153,91 tỷ đồng.
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu đạt (P/S)	:	2.598 đồng.

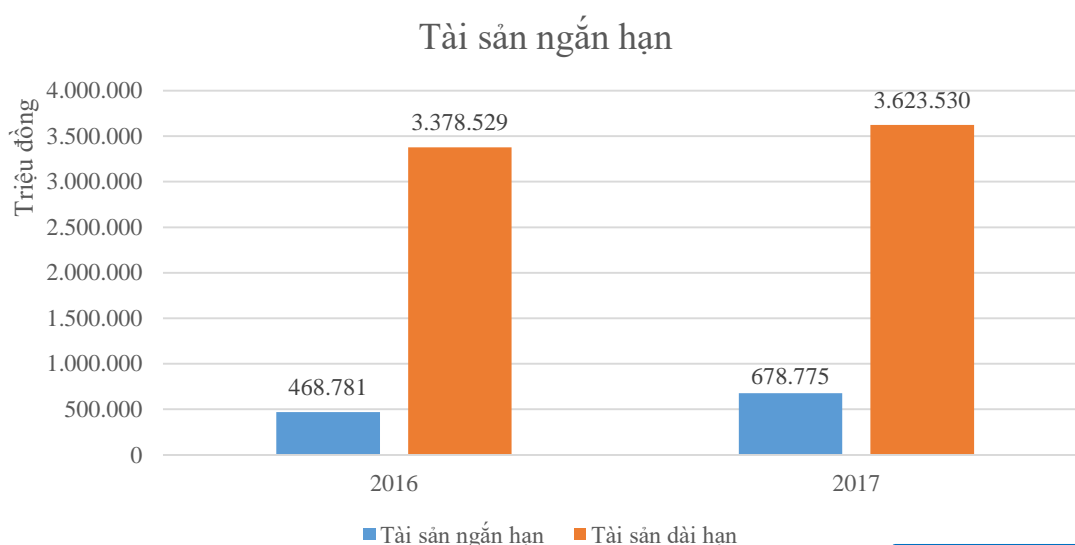
Nhìn chung trong năm 2017, tuy doanh thu chưa đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận của công ty có mức tăng trưởng cao hơn năm 2017 và vượt kế hoạch đề ra. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang phát triển tốt. Đây sẽ là cơ sở thuận lợi để công ty thực hiện được những mục tiêu và chiến lược đề ra trong giai đoạn tới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	468.781	678.775	144,80%	12,18%	15,78%
Tài sản dài hạn	3.378.529	3.623.530	107,25%	87,82%	84,22%
Tổng tài sản	3.847.310	4.302.305	111,83%	100%	100%



Tổng tài sản năm 2017 tăng 11,83% so với năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 44,80% và tài sản dài hạn tăng 7,25%. Riêng tài sản ngắn hạn tăng hơn 209 tỷ đồng, trong đó mức tăng cao nhất đến từ việc đầu tư tài chính với mức tăng hơn 62 tỷ đồng tương đương 819,65%, hàng tồn kho tăng hơn 61 tỷ đồng do chi phí SXKD dở dang tăng cao, các khoản phải thu tăng hơn 40 tỷ đồng tương đương tăng 75,86%. Tài sản dài hạn tăng 245 tỷ đồng, trong đó mức tăng cao nhất được đóng góp từ tài sản cố định mà đặc biệt là chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng hơn 125 tỷ đồng.

Về cơ cấu tài sản vẫn duy trì ổn định, không biến động đáng kể. Tài sản ngắn hạn năm 2017 chiếm 15,78%, tài sản dài hạn chiếm 84,22% trong cơ cấu tài sản.



Chi tiết biến động tài sản cố định như sau:

ĐVT: VNĐ

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	70.033.512.886	60.933.362.418	87,01%
Máy móc thiết bị	192.799.028.230	51.965.215.218	26,95%
Phương tiện vận tải	88.330.363.589	34.391.094.888	38,93%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.255.445.327	139.107.346	4,27%
TSCĐ khác	44.257.571.248	5.038.425.921	11,38%
Cộng	398.675.921.280	152.467.205.791	38,24%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền thu phí Quốc lộ 1A	1.404.803.496.390	1.141.032.495.770	81,22%
Quyền thu phí Quốc lộ 91	1.418.990.301.114	1.380.906.645.282	97,32%
Quyền thu phí tỉnh lộ 16 & phần mềm máy tính	85.088.838.182	640.382.930	0,75%
Cộng	2.908.882.635.686	2.522.579.523.982	86,72%

Tài sản dở dang dài hạn

	01/01/2017	31/12/2017
a. Xây dựng cơ bản dở dang	638.432.821.141	763.854.653.705
Mua sắm	12.238.895.784	27.211.772.96
Mua thiết bị làm máy xay và Mua máy phát điện KVA	12.238.895.784	27.211.772.958
Xây dựng cơ bản	626.193.925.357	736.642.880.747
Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	15.276.080.059	15.276.080.059
Chi phí dự án khai thác đá Đồi Chùa	1.318.816.973	1.318.816.973
Chi phí các quyền sử dụng đất đang trong thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng và sang tên (a)	118.653.944.579	211.322.203.000

Chi phí Xây dựng mỏ đá Xuân Hòa	14.518.042.363	21.016.048.724
Chi phí Xây dựng nhà ở xã hội	4.707.929.174	14.114.065.537
Chi phí dự án Đảo Ó		16.900.000.000
+ Tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa) (b)	3.875.432.321	3.875.432.321
+ Khu Tái định cư tại xã Bình Minh (c)	217.018.123.786	89.325.115.114
+ Khu Tái định cư tại xã Phước Tân (d)	221.801.305.244	153.550.821.768
+ Khu Dân cư tại xã Phước Tân	853.513.796	1.833.663.622
Dự án đường vận chuyển VLXD tại xã Phước Tân và xã Tam Phước (e)	28.023.846.153	102.444.874.785
+ Dự án BOT 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM-Long Thành - Dầu Giây (f)		103.894.503.675
Chi phí Xây dựng cơ bản khác	146.890.909	1.771.255.169
Cộng	638.432.821.141	763.854.653.705



(a) Chi phí các quyền sử dụng đất đang trong thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng và sang tên

Bao gồm mười (10) chứng nhận Quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ từ các cá nhân cho Công ty CP ĐTPT Cường Thuận. Các QSDĐ này hầu hết là đất nông nghiệp đang tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng và quyền sở hữu cho Công ty CP ĐTPT Cường Thuận.

Trong đó Quyền sử dụng đất đặt Trạm đăng kiểm với giá trị 16,32 tỷ VNĐ đang được công ty thế chấp cho khoản vay của ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.



(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa):

Đây là giá trị bổ sung cho dự án đầu tư cải tạo nền, mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Km1841+912. Toàn bộ giá trị của dự án đã được tạm xác định kết chuyển sang nguyên giá Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 để trích khấu hao kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Giá trị Tuyến tránh tăng thêm nêu trên sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư hoàn thành cùng với giá trị công trình đã tạm kết chuyển vào Nguyên giá với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Bình Minh

Theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 239.846.453.828 VND (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng; Chi phí xây dựng không bao gồm chi phí xây dựng công viên).



(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Phước Tâm

Theo Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Phước Tâm, thành phố Biên Hòa thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 402.142.433.721 VNĐ (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng).

Hai dự án khu tái định cư Bình Minh và Phước Tâm sẽ được quyết toán và bàn giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi hai dự án này hoàn thành.

Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO và Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI được trực tiếp quản lý, kinh doanh hoặc ký các hợp đồng thuê các tổ chức quản lý công việc xây dựng, vận hành, khai thác và bảo dưỡng công trình BOT trong thời hạn Hợp đồng BOT, giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 671.763.916.333 VNĐ (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).



(e) Dự án đường vận chuyển VLXD tại xã Phước Tâm và xã Tam Phước:

Căn cứ Hợp đồng BOT số 377/2016/HĐKT ngày 25/01/2016 về việc Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) Dự án BOT đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại xã Phước Tâm và xã Tam Phước; Tp. Biên Hòa giữa Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai, Hợp tác xã An Phát và Công ty CP Đầu tư BOT An Thuận Phát thì Hợp tác xã An Phát và Công ty CP Đầu tư BOT An Thuận Phát được trực tiếp quản lý, kinh doanh hoặc ký các hợp đồng thuê các tổ chức quản lý công việc xây dựng, vận hành, khai thác và bảo dưỡng công trình BOT trong thời hạn Hợp đồng BOT, giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 130.578.849.000 VNĐ (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).

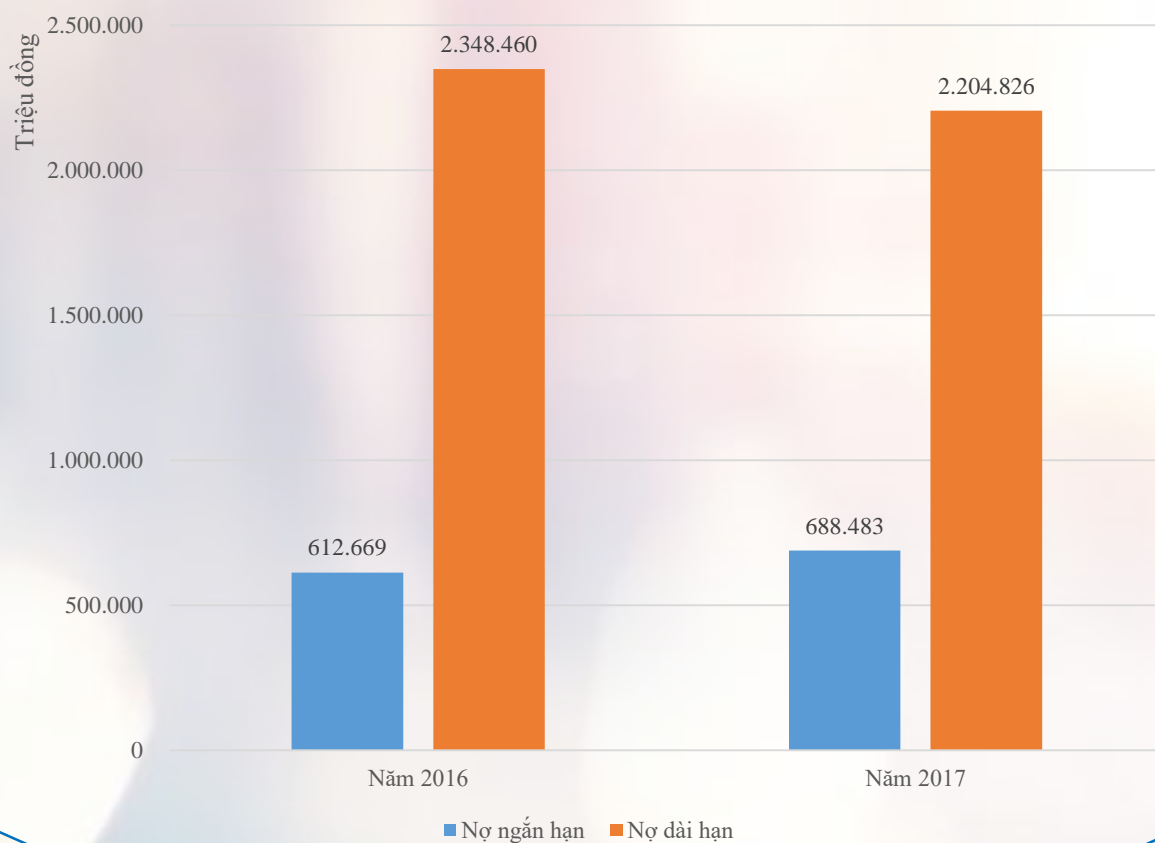
(f) Dự án BOT 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM- Long Thành - Dầu Giây

Căn cứ Hợp đồng BOT số 68/HĐ.BOT-SGTVT ngày 17/07/2017 về việc Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM- Long Thành - Dầu Giây tại huyện Nhơn Trạch và Thị Trấn Long Thành, giữa Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai, Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO và Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI được trực tiếp quản lý, kinh doanh hoặc ký các hợp đồng thuê các tổ chức quản lý công việc xây dựng, vận hành, khai thác và bảo dưỡng công trình BOT trong thời hạn Hợp đồng BOT, giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 671.763.916.333 VNĐ (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	612.669	688.483	112,37%	20,69%	23,80%
Nợ dài hạn	2.348.460	2.204.826	93,88%	79,31%	76,20%
Tổng nợ phải trả	2.961.129	2.893.309	97,71%	100%	100%





Với đặc trưng của ngành xây dựng các công trình giao thông đường bộ đòi hỏi nguồn vốn lớn tài trợ cho các dự án đầu tư lớn thì việc nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn là điều không tránh khỏi. Nợ dài hạn trong cơ cấu nợ của Công ty chiếm 79,31% năm 2016 và 76,20% năm 2017.

Nợ phải trả năm 2017 giảm hơn 67 tỷ đồng so với năm 2016 mà chủ yếu là do việc giảm các khoản vay dài hạn hơn 153 tỷ đồng. Các khoản vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp như quyền thu phí, quyền sử dụng đất,... của Công ty và ứng vốn ngân sách cho các án khu tái định cư (Khu tái định cư Bình Minh, Phước Tân). Nợ ngắn hạn năm 2017 tăng hơn 75 tỷ đồng tương đương mức tăng 12,37%, chủ yếu là do khoản vay ngắn hạn ngân hàng tăng hơn 85 tỷ đồng tương đương 29,72%. Có thể thấy trong năm 2017, Công ty dịch chuyển tỷ trọng vay ngân hàng từ dài hạn sang ngắn hạn do việc sử dụng nguồn vốn huy động từ việc phát hành đã bù đắp phần nào nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án dài hạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Căn cứ vào mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đặt ra trong năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm 2018 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế
- Chi cổ tức: 12 % vốn điều lệ (1.200 đồng/ cổ phần)

Để thực hiện những mục tiêu đề ra, trong năm 2018, ban lãnh đạo công ty sẽ phấn đấu thực hiện tốt các nội dung sau:

Phát triển nguồn nhân lực và điều chỉnh cơ cấu tổ chức:

Công ty tiếp tục hoàn thiện các chính sách nhân sự, hoàn thiện cơ cấu tổ chức toàn hệ thống; đảm bảo chiến lược đào tạo và phát triển nhân sự của công ty luôn phù hợp với thực trạng sản xuất kinh doanh; Luôn đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ cao để đáp ứng hoạt động phát triển và đầu tư trong giai đoạn mới.

Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính, nguồn vốn đầu tư và hoạt động thu hồi công nợ:

Trong đó đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ bán hàng, công nợ của hoạt động thi công đúng hạn, đúng tiến độ từ đó giảm thiểu việc vay vốn, giúp giảm chi phí vay tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quản lý chặt chẽ các khoản thu chi, các khoản vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả cao.



Hoạt động xây dựng và sản xuất:

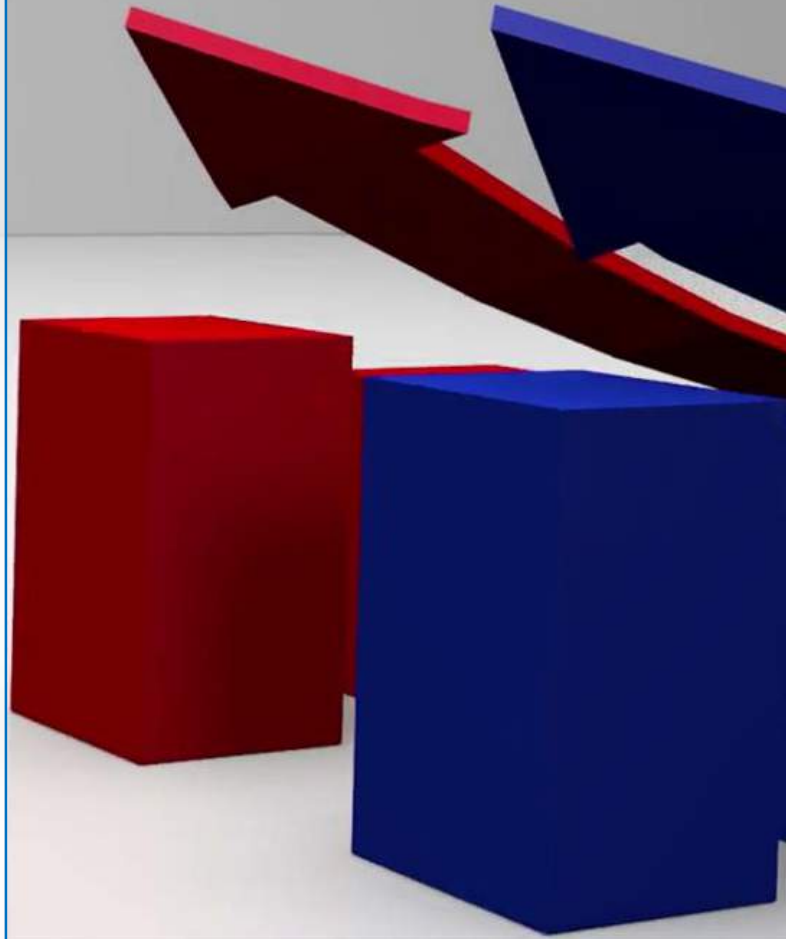
- Hoạt động thi công: Sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc sản xuất và thi công đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ đề ra. Trong đó cụ thể:

+ Đảm bảo trong năm 2018 cơ bản hoàn thành thi công Dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HCM-Long Thành để bước sang năm 2019 có thể đưa vào khai thác thu phí.

+ Cố gắng đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành hạng mục nền, móng và 1/3 chiều cao tầng sàn của khu nhà ở Xã hội Tam Hòa để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, bán hàng.

+ Tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện các hạng mục phục vụ cho hoạt động du lịch tại Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường.

- Hoạt động sản xuất: Đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm cho các hợp đồng đang có; Tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng mới đặc biệt là mảng sản xuất cốt bê tông đúc sẵn, quản lý chặt chẽ định mức sử dụng vật tư, nhiên liệu nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất với chi phí thấp nhất.



Hoạt động thu phí và hoạt động đầu tư:

- Nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động thu phí đảm bảo giảm thiểu thất thu do tiêu cực, từ đó ổn định doanh thu, duy trì tốt nguồn vốn cho hoạt động đầu tư của công ty tại các dự án Tỉnh Lộ 16, Quốc Lộ 1 và Quốc Lộ 91 - Cần Thơ -An Giang.

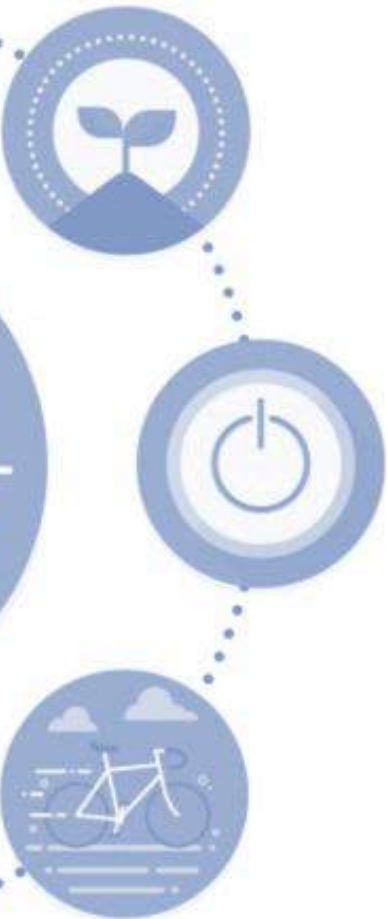
- Chú trọng và tập trung vào việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, các hồ sơ liên quan đến các dự án đầu tư mới như: Khu công nghiệp Phước Bình - Long Thành, Khu nhà ở xã hội Xã Phước Tân... để sớm có chấp thuận đầu tư từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Đây chính là cơ sở quan trọng để tạo ra các tiền đề mới giúp công ty đột phá và tạo được vị thế ngày càng mạnh mẽ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến môi trường

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng đến môi trường. Nếu chúng ta đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường thì chắc chắn không có bất kỳ hoạt động kinh tế nào xảy ra. Đặc biệt, với ngành nghề kinh doanh của CTI chủ yếu là lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác các mỏ đã không tránh khỏi sự tác động trực tiếp vào điều kiện tự nhiên và sinh thái của môi trường. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu CTI trong mắt khách hàng, nhà đầu tư. Cụ thể:

- a. Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho Công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý chất thải.
- b. Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hoạt động trong ngành nghề sản xuất; do đó, để ra được một thành phẩm tốt, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải đạt đủ tiêu chuẩn mới có thể đạt hiệu suất là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm chất lượng, bảo đảm quy cách. Việc đánh giá về môi trường xung quanh cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các chỉ số, mức độ phát thải ra môi trường theo những quy chuẩn hướng đến đảm bảo mức tối thiểu những tác động ra môi trường trong quá trình sản xuất của Công ty.
- c. Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất đáp ứng khối lượng hàng hóa, chất lượng công trình, dự án công bố ra thị trường mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,..., giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.



Chính sách liên quan đến người lao động



Xác định rõ vai trò của việc đào tạo đối với vấn đề nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, Công ty luôn có những biện pháp khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa những người lao động, đồng thời, công ty tiến hành tổ chức các đợt đào tạo chuyên sâu cho công nhân. Bên cạnh việc đào tạo tại chỗ thường niên trong nhà máy, công ty cử các công nhân tham gia các lớp vận hành máy móc đảm bảo an toàn lao động.

Chính sách lương - thưởng là một trong những chính sách cơ bản giúp Công ty thu hút, duy trì và giữ chân người lao động đặc biệt là lao động giỏi. Ý thức được điều này, Công ty luôn nghiên cứu sao cho chính sách lương - thưởng phù hợp với qui định của pháp luật đồng thời tạo động lực cho người lao động nỗ lực làm việc và tạo nên lợi thế cạnh tranh trong việc hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao. Công ty căn cứ vào kết quả công việc của người lao động để áp dụng những hình thức trả lương như: lương thời gian, lương sản phẩm, lương khoán, lương thời gian kết hợp với doanh số... Bên cạnh đó, công ty còn trợ cấp thêm tiền ăn, xăng xe, tổ chức du lịch nghỉ mát định kỳ... tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các ngày Tết Trung thu, ngày 1/6, công ty cũng tặng quà cho con CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng để hỗ trợ cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các chương trình thiện nguyện giúp đỡ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ những học sinh nghèo vượt khó. Tuy giá trị không lớn nhưng là một phần thể hiện sự trách nhiệm của CTI quan tâm đến cộng đồng, mong đóng góp về mặt vật chất và tinh thần cho địa phương.





QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2017, với sự quyết tâm cao, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành các cấp, tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu then chốt và chiến lược, đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông giao.

1

Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế tốt, phát triển tốt nguồn vốn chủ sở hữu.

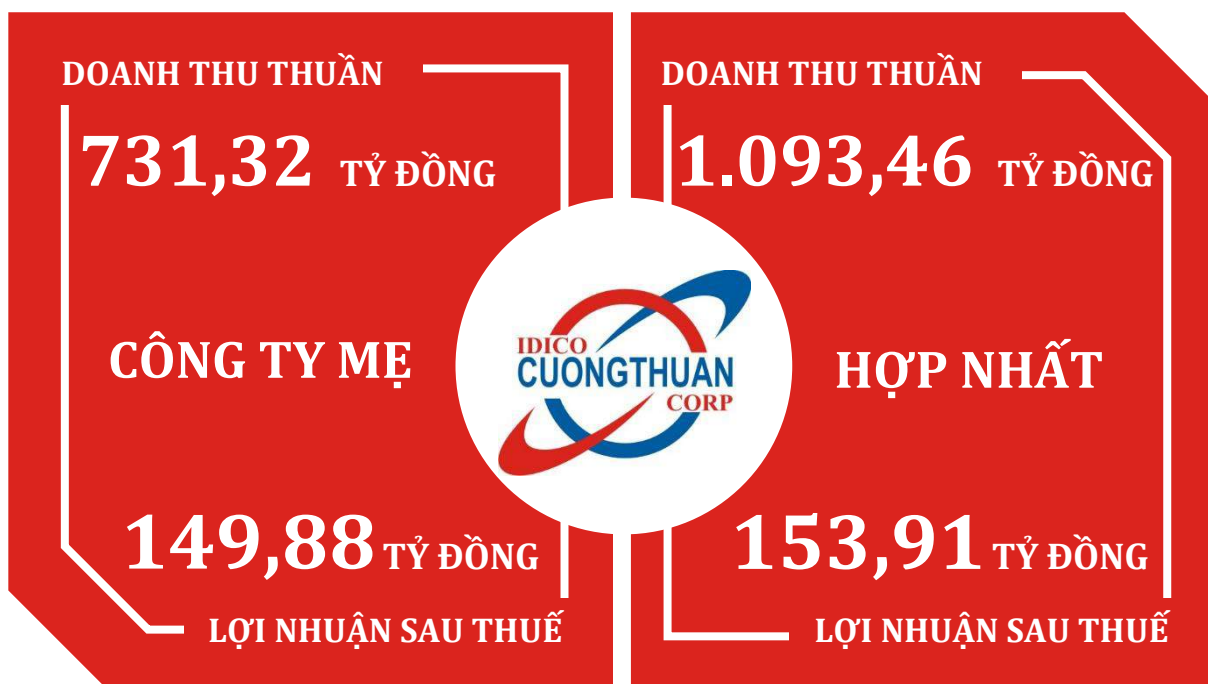
2

Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm do công ty đầu tư đảm bảo chất lượng cao.

3

Nghiên cứu đầu tư các dự án có trọng tâm, kịp thời đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu



Hoạt động của HĐQT trong năm 2017

Trong năm qua tập thể Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên đã bám sát những mục tiêu nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để chỉ đạo và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 như sau:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- Hoạt động giám sát:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc đột xuất, HĐQT đã thảo luận và rà soát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và trong năm 2017 nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phối hợp với Ban kiểm soát nội bộ thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành.
- Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, đánh giá tình hình thực tế qua đó đóng góp ý kiến cho Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh

Thi công xây dựng công trình: Theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, chọn thi công và phát triển thị trường ống cống thoát nước là dòng sản phẩm chủ lực của CTI trong giai đoạn 2017-2018.

Tham gia các dự án BOT:

Đã hoàn thành tiến độ xây dựng dự án đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại ấp Tân Cang, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai theo hình thức hợp đồng BOT; Đang tiến hành các bước nghiệm thu và triển khai thu phí.

Đã tiến hành thi công dự án đường 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc HLD theo hình thức hợp đồng BOT;

Đầu tư các mỏ vật liệu xây dựng:

Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các mỏ đá Tân Cang 8 tại ấp Tân Cang, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà; mỏ đá Thiện Tân 10 tại huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và mỏ đá Xuân Hòa tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để có thể có đủ năng lực cung cấp đá cho các dự án Công ty đang thực hiện, các dự án đường cao tốc trong khu vực và chuẩn bị sẵn sàng cung cấp cho dự án sân bay Long Thành.



Tham gia các dự án BT:

Đã hoàn thiện các thủ tục đầu tư với cơ quan hữu quan để thực hiện dự án Nhà ở xã hội Tam Hòa tại phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, dự kiến khởi công trong Quý 2/2018.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và phối hợp với các cơ quan hữu quan để hoàn thiện các thủ tục thực hiện và triển khai dự án BT đường ven hồ Trị An (đổi đất lấy hạ tầng);

Sản xuất bê tông nhựa nóng, bê tông tươi: tiếp tục phát triển và đẩy mạnh hoạt động trạm bê tông nhựa nóng tại Cần Thơ, Tân Cảng 8 và Nhà máy bê tông với mục tiêu chính là cung cấp cho các dự án của hệ thống CTI đang thực hiện và các dự án khác trong khu vực.

Dịch vụ vận tải:

Đẩy mạnh công tác kiểm soát hành trình các xe hoạt động trong và ngoài tỉnh; Tăng cường công tác giám sát tải trọng xe theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai.

Dịch vụ thu phí đường bộ:

Tiếp tục duy trì công tác Quản lý chặt chẽ hoạt động dịch vụ thu phí, tránh gây tổn thất do các công việc liên quan đến hậu kiểm. Đảm bảo toàn hệ thống thông suốt 24/24.

Tài chính:

Tăng cường công tác giám sát các khoản đầu tư tài chính nhằm đảm bảo các khoản đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất. Năm 2017, là năm Công ty đã có những kết quả về hoạt động đầu tư có hiệu quả cao và mang tính ổn định.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý các Công ty con đã và đang sở hữu các dự án tốt, hiệu quả để thu về lợi nhuận tài chính cao hơn.





Một số chỉ tiêu kế hoạch



Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2018, tổng mức đầu tư dự kiến là 980 tỷ đồng, trong đó cụ thể như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch sử dụng vốn	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án nút giao 319 và Cao tốc TPHCM – Long Thành	60	969
2	Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa	200	327
3	Khu nhà hàng Đảo Ó – Đồng Trường, Khu Đảo Ó và Đảo Đồng Trường	50	300
4	Mua sắm thiết bị, máy móc cho Mỏ đá Xuân Hòa, Tân Cảng 8 và Thiện Tân	50	50
5	Các dự án tiềm năng khác	300	
	Tổng cộng	660	

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Tập trung chỉ đạo việc hoàn thành các hợp đồng xây lắp đảm bảo tiến độ, chất lượng an toàn.

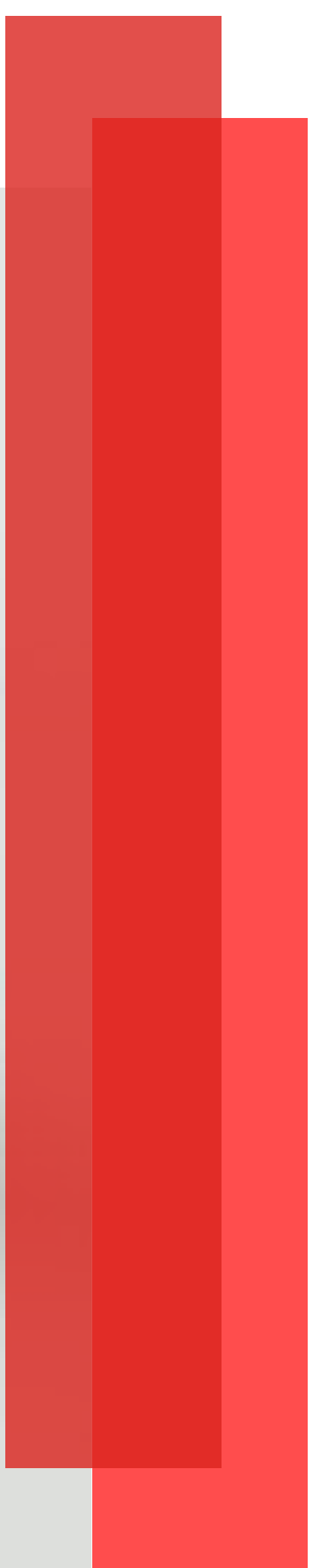
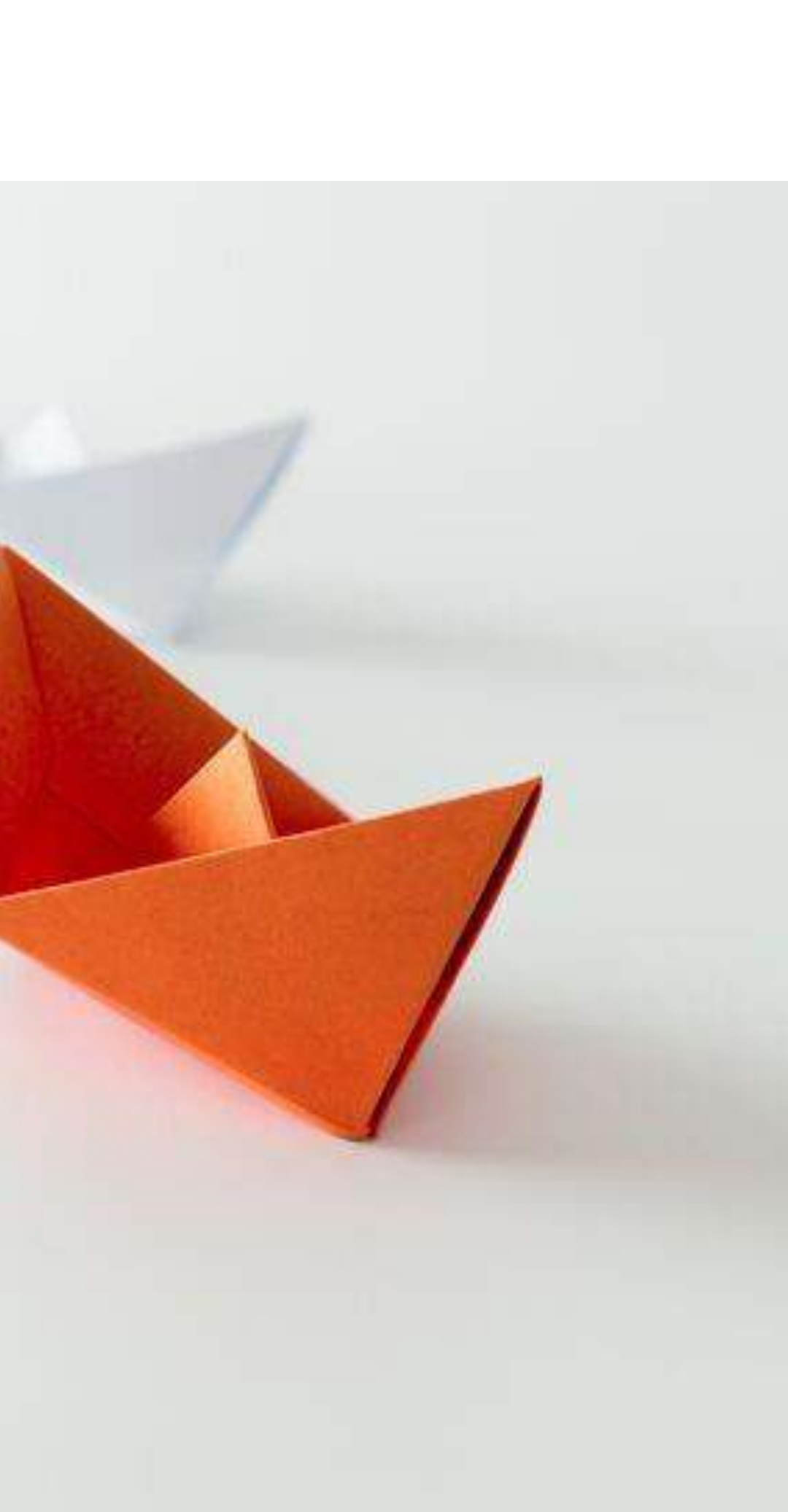
Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đối với khách hàng, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm ổn định.

Quản lý chặt quy trình sản xuất để giảm thiểu hao phí, tăng tiết kiệm và từ đó giúp nâng cao năng suất và hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm soát việc ra nghị quyết và thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định làm việc và điều lệ hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện việc kiểm soát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên.

Chỉ đạo việc triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

CÔNG TY





Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao, và các khoản
lợi ích của HĐQT, BKS, BĐH**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Như Hoàng	Chủ tịch	1.430.000	2,27%
2	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	1.627.430	2,58%
3	Trương Hồng Loan	Thành viên	4.114.000	6,53%
4	Nguyễn Văn Khang	Thành viên	420.000	0,67%
5	Nguyễn Văn Thúy	Thành viên	22.000	0,03%
6	Nguyễn Sỹ Phong	Thành viên	6.000	0,01%
7	Nguyễn Văn Thành	Thành viên	0	0%



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Như Hoàng	Chủ tịch	17/17	100%
2	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	17/17	100%
3	Trương Hồng Loan	Thành viên	17/17	100%
4	Nguyễn Văn Khang	Thành viên	17/17	100%
5	Nguyễn Văn Thúy	Thành viên	17/17	100%
6	Nguyễn Sỹ Phong	Thành viên	17/17	100%
7	Nguyễn Văn Thành	Thành viên	17/17	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	10/02/2017	<p>Thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.</p> <p>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.</p> <p>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.</p> <p>Thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 và kế hoạch chia cổ tức năm 2017.</p>
2	02/2017/NQ-HĐQT	14/03/2017	<p>Thông qua thù lao HĐQT và BKS năm 2017. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.</p> <p>Thông qua phương án phát hành cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ.</p> <p>Thông qua ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và công tác chuẩn bị tổ chức đại hội.</p> <p>Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.</p>
3	03/2017/NQ_HĐQT	28/03/2017	<p>Triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017.</p> <p>Thông qua tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phiếu CTI.</p> <p>Thông qua danh sách nhà đầu tư dự kiến mua.</p>
4	04/2017/NQ-HĐQT	03/04/2017	<p>Thông qua việc bán cổ phần cho Victory Holding Investment Limited.</p> <p>Thông qua việc bán cổ phần cho PYN Elitefund (non-UCITS) do PYN Fund Management Ltd làm đại diện.</p> <p>Thông qua việc bán cổ phần cho Aquila SPC LTD.</p> <p>Thông qua việc bán cổ phần cho DC Developing Markets Strategies Public Limited Company.</p>
5	04A/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	<p>Thông qua việc mua phần đất còn lại mỏ đá Tân Caang 8 cho đủ diện tích đất khai thác là 22,08 hecta tại xã Tam Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	05A/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	Thông qua việc mua khu đất cho dự án xây dựng cây xăng 2, phục vụ hoạt động kinh doanh mua, bán nhiên liệu trên tuyến Quốc lộ 1 – Đoạn tránh Thành phố Biên Hòa.
7	05/2017/NQ-HĐQT	16/05/2017/	<p>Thông qua việc góp vốn tham gia thành lập Công ty CP Du lịch Cường Thuận CTI. Thông qua việc cử người đại diện phần vốn và đề cử tham gia HĐQT tại Doanh nghiệp thành lập mới là Cty CP Du lịch Cường Thuận CTI.</p> <p>Thông qua việc góp phần vốn do cổ đông sáng lập khác không góp đủ khi thành lập Công ty thực hiện dự án đường 319 nối dài và nút giao 319 với đường cao tốc HLD theo hình thức hợp đồng BOT và điều chỉnh tỷ lệ góp vốn.</p> <p>Thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ và cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).</p>
8	06/2017/NQ-HĐQT	26/05/2017	Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư.
9	07/2017/NQ-HĐQT	05/06/2017	<p>Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty do phát hành cổ phiếu riêng lẻ.</p> <p>Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.</p>
10	08/2017/NQ-HĐQT	15/06/2017	Thông qua các vấn đề liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP).
11	09/2017/NQ-HĐQT	25/07/2017	Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP); Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.
12	10/2017/NQ-HĐQT	03/08/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty 6 tháng đầu năm 2017. Thông qua chi trả cổ tức còn lại năm 2016 và tạm ứng cổ tức năm 2017.



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
13	11/2017/NQ-HĐQT	20/07/2017	Thông qua phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh; nhu cầu vốn lưu động; việc thực hiện giao dịch tín dụng năm 2017-2018 của Công ty.
14	12/2017/NQ-HĐQT	19/09/2017	Thông qua việc mua lại cổ phần của Công ty Sonadezi tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền. Thông qua các nội dung ủy quyền.
15	13/2017/NQ-HĐQT	23/09/2017	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung một số ngành nghề vào hệ thống ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.
16	14/2017/NQ-HĐQT	26/09/2017	Thông qua việc mua 1 xe tải cầu phục vụ việc cấu ống cống sản xuất tại Công ty.
17	15/2017/NQ-HĐQT	19/12/2017	Thông qua tình hình kinh doanh và đầu tư của Công ty đến thời điểm hiện tại. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO theo dõi, tổ chức các cuộc họp HĐQT, cung cấp các thông tin cần thiết cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Tiến Vương	Trưởng ban	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0	0%
3	Trần Quang Tiến	Thành viên	0	0%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2017, BKS tiếp tục thực hiện việc giám sát HĐQT, Ban lãnh đạo ở nhiều cấp độ và khía cạnh hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện và kế hoạch đề ra trong Nghị quyết bao gồm kết quả kinh doanh, tiến độ đầu tư tài sản, phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS.
- Giám sát tình hình tài chính năm 2017: BKS đã rà soát, phân tích các thông tin và số liệu trên báo cáo tài chính hàng quý kết hợp trao đổi với Kiểm toán độc lập để kịp thời cập nhật, phân tích các kết quả soát xét/kiểm toán cũng như các biến động của khoản mục trên báo cáo tài chính.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: BKS đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ các kết quả kiểm tra, đánh giá của kiểm toán nội bộ đối với các quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2017, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban lãnh đạo trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Đại hội tháng 3/2017.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BĐH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự, nhất trí với mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017 như sau:

- Chi thù lao HĐQT, Ban KS năm 2017 :2,55 tỷ đồng
- Chi thù lao HĐQT 1,5% LNST :2,25 tỷ đồng
- Chi thù lao BKS 0,2% LNST :0,30 tỷ đồng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện GD	Quan hệ với NNB	Số CP SH đầu kỳ		Số CP SH cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Kim Duyên	Người có liên quan	110.000	0,25%	44.000	0,1%	Nhu cầu cá nhân
2	Victory Holding Investment Limited	Cổ đông lớn	4.200.000	9,77%	6.200.000	10,16%	Mua phát hành riêng lẻ
3	Pyn Elite Fund	Cổ đông lớn	2.647.900	6,16%	4.647.900	10,81%	Mua phát hành riêng lẻ
4	Trần Như Hùng	Người có liên quan	12.100	0,019%	1.100	0,001%	Nhu cầu cá nhân



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/8/2017 hướng dẫn về việc quản trị Công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC có hiệu lực ngày 06/11/2017 hướng dẫn nghị định 71/2017/NĐ-CP. Công ty đã nghiên cứu các văn bản này để áp dụng và tuân thủ các quy định giúp nâng tầm quản trị của Công ty tốt hơn, bám sát các thông lệ quốc tế hơn. Công ty đã chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty theo tham chiếu của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95/2017/TT-BTC. Bên cạnh đó, quy chế quản trị Công ty cũng được Hội đồng quản trị chú trọng xây dựng, theo đó các quy định về việc phối hợp, triển khai giữa Ban quản lý, ban điều hành và cổ đông được rõ ràng, chặt chẽ hơn. Điều lệ và quy chế quản trị Công ty sẽ được Hội đồng quản trị trình tại Đại hội đồng cổ đông thông qua tuân thủ theo quy định của pháp luật.



KIỂM TOÁN 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý kiến kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

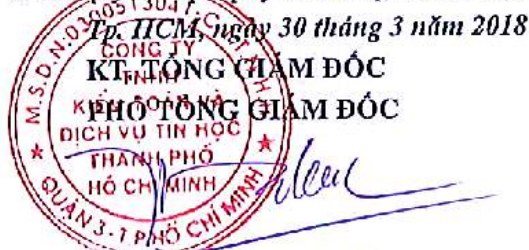
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Số GCNDKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Lê Hùng Dũng

Số GCNDKHNKT: 3174-2015-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp


TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		678.774.792.804	468.781.050.257
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	271.026.737.697	253.804.662.311
1.	Tiền	111		75.349.915.046	82.193.362.311
2.	Các khoản tương đương tiền	112		195.676.822.651	171.611.300.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	70.000.000.000	7.611.576.980
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	7.611.576.980
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.143.340.781	109.819.513.968
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	93.658.434.986	53.256.060.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	62.602.782.707	35.347.227.927
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.000.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	19.794.063.896	34.089.622.201
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(12.911.940.808)	(12.873.396.160)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	127.294.518.547	65.786.696.364
1.	Hàng tồn kho	141		127.294.518.547	65.786.696.364
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		32.310.195.779	31.758.600.634
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	5.230.282.133	896.596.185
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.484.746.426	30.861.480.305
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	2.595.167.220	524.144
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		3.623.530.019.961	3.378.529.281.232
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		6.515.284.452	15.454.571.885
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	11.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.5	6.515.284.452	3.954.571.885
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		2.675.046.729.773	2.579.754.096.472
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	152.467.205.791	116.178.963.852
- Nguyên giá		222		398.675.921.280	337.497.835.527
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(246.208.715.489)	(221.318.871.675)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
- Nguyên giá		225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	2.522.579.523.982	2.463.575.132.620
- Nguyên giá		228		2.908.882.635.686	2.730.343.757.617
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(386.303.111.704)	(266.768.624.997)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
- Nguyên giá		231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240	V.8	763.854.653.705	638.432.821.141
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		763.854.653.705	638.432.821.141
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	V.2	22.017.955.000	8.281.234.834
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		4.654.805.000	4.531.234.834
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		17.363.150.000	3.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		156.095.397.031	136.606.556.900
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11b	154.260.669.173	135.065.885.219
2. Tài sản thuộc thu nhập hoãn lại		262	V.19	1.834.727.858	1.540.671.682
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
5. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4.302.304.812.765	3.847.310.331.489

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.893.309.048.285	2.961.128.514.653
I. Nợ ngắn hạn	310		688.482.555.588	612.668.790.538
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	94.186.108.696	151.197.660.782
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	29.897.536.580	18.783.544.403
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	14.300.080.191	12.183.631.088
4. Phải trả người lao động	314		17.755.472.722	17.435.988.586
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	107.246.359.649	78.802.766.484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		770.000.000	986.363.637
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	33.098.062.232	35.137.652.179
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	371.801.139.417	286.628.390.840
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	12.652.829.727	10.386.568.187
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.774.966.374	1.126.224.352
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.204.826.492.697	2.348.459.724.115
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	315.000.000	315.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.173.586.539.008	2.326.699.724.115
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	30.924.953.689	21.445.000.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.408.995.764.480	886.181.816.836
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.20	1.408.995.764.480	886.181.816.836
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		629.999.970.000	429.999.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		629.999.970.000	429.999.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		383.633.339.279	125.638.339.279
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		20.394.669.159	14.783.537.213
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		141.734.405.766	133.949.025.046
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		39.021.066.200	26.257.240.736
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		102.713.339.566	107.691.784.310
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		422		11.120.427	11.120.427
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		233.222.259.849	181.799.824.871
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.302.304.812.765	3.847.310.331.489

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Mai Thu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Quang

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.093.460.149.832	1.034.160.110.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.345.300.821
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	1.093.460.149.832	1.026.814.809.650
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	598.322.807.768	627.826.400.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		495.137.342.064	398.988.409.523
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.779.332.122	8.836.332.229
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	215.447.168.775	177.753.168.301
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		213.312.570.447	174.535.375.266
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(123.570.166)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	17.287.963.669	5.009.553.583
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	84.608.548.573	90.116.911.678
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		187.572.993.169	134.821.538.024
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.674.454.698	2.988.933.887
13. Chi phí khác	32	VI.8	6.432.018.376	4.407.926.075
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.757.563.678)	(1.418.992.188)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		183.815.429.491	133.402.545.836
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		30.247.859.349	21.080.311.927
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(340.471.518)	(527.053.508)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		153.908.041.660	112.849.287.417
Cổ đông của Công ty mẹ	61		146.813.337.466	107.691.784.310
Cổ đông không kiểm soát	62		7.094.704.193	5.157.503.107
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.598	2.732
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.598	2.732

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2018



Vũ Thị Hồng

Phạm Mai Thu

Nguyễn Xuân Quang

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		183.815.429.491	133.402.545.836
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-10	144.837.421.677	148.510.915.507
- Các khoản dự phòng	03		11.784.759.877	34.731.269.168
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.607.461.225)	(9.007.241.320)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	213.312.570.447	174.535.375.266
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		544.142.720.267	482.172.864.457
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(53.362.315.547)	454.577.982
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(61.507.822.183)	26.423.371.414
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(10.806.080.274)	(157.985.749.672)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(23.528.469.902)	(19.778.626.213)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(211.632.405.741)	(171.736.165.290)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(37.689.818.058)	(32.144.727.017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.435.320.731)	(1.201.462.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		143.180.487.831	126.204.083.541
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(544.881.895.308)	(492.025.904.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		318.181.818	4.691.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.388.423.020)	2.500.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.850.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.736.720.166)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.773.286.016	8.836.332.229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(613.065.570.660)	(435.997.663.441)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		509.895.000.000	216.088.200.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	743.666.749.074	885.817.431.341
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.5	(634.416.465.759)	(592.664.593.332)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(132.038.125.100)	(56.024.063.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		487.107.158.215	453.216.974.388
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		17.222.075.386	143.423.394.488
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		253.804.662.311	110.381.267.823
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>271.026.737.697</u>	<u>253.804.662.311</u>

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Hồng



Phạm Mai Thu



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng và sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; gia công chế biến đất, đá, cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở); dịch vụ quảng cáo; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 554 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 560 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 07 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có sáu (06) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận. Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.	83,10%	83,10%	83,10%

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang. Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình giao thông. Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch thu phí giao thông.	59,57%	59,57%	59,57%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT An Thuận Phát. Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình công ích; nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch thu phí giao thông.	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Đăng Kiểm Cơ Giới Cường Thuận CTI Địa chỉ: Số 370/2A Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác. - Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác. - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Chi tiết : Đăng kiểm xe cơ giới.	93,67%	93,67%	93,67%
Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình công ích; nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch thu phí giao thông.	66,43%	66,43%	66,43%
Công ty Cổ phần Du lịch Cường Thuận CTI Địa chỉ: số 01B, Đường Tôn Đức Thắng, Tổ 3B KP8, TT Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh nhà hàng ăn uống, điều hành tua du lịch, vận tải hành khách đường thủy nội địa.....	96,00%	96,00%	96,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty con sở hữu vừa trực tiếp và gián tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khai thác và Kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai. Địa chỉ: Lầu 1, số 168, tổ 2, khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát ngoài tỉnh); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.	87,85%	87,85%	93,00%

7.4. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát. Địa chỉ: Số 12/N3, KPI, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi; sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng...	35,00%	35,00%	35,00%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Tập đoàn đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Riêng trường hợp đối với doanh thu hoạt động xây lắp của công ty mẹ là nhà đầu tư, nhà thầu và công ty con là doanh nghiệp dự án BOT, Tập đoàn thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc loại trừ các yếu tố trùng lặp trong lỗ hợp công ty mẹ - công ty con nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận sau thuế của giá trị xây lắp các dự án BOT do Công ty thực hiện để đảm bảo lợi ích của các cổ đông và phát huy được chính sách khuyến khích thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng quốc gia bằng nguồn vốn xã hội hóa.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tồn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2. Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty con

* Khi Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn không làm Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty con (tiếp theo)

* Khi giao dịch thoái vốn dẫn đến việc Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua (phương pháp vốn chủ sở hữu) nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại được xác định căn cứ theo lãi suất thị trường đối với các khoản doanh nghiệp đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện xây lắp các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

9.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí giao thông

Nguyên giá Quyền thu phí giao thông được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải chi ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo các hợp đồng đã ký kết tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

9.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

9.3 Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Quyền thu phí tình lộ 16	Theo thời gian khai thác dự án

Tập đoàn khấu hao Quyền thu phí giao thông tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu thu phí trong kỳ (tương tự phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm) căn cứ văn bản số 9635/BTC-TCDN ngày 15 tháng 07 năm 2015 và khấu hao đối với tài sản cố định, hình thành từ dự án đầu tư XDCT cải tạo, nâng cấp QL91 đoạn từ Km14+000 đến Km50+889 theo hình thức hợp đồng BOT, theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án căn cứ văn bản số 7979/BTC-TCDN ngày 13/06/2016 của Bộ Tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Tập đoàn ghi nhận các khoản nhận về cho BCC theo giá gốc và phản ánh là nợ phải trả khác, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh về việc phân bổ các chi phí chung, quy định chia sản phẩm được xác nhận bởi các bên liên doanh.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau: Chi phí trùng tu mặt đường tình lộ 16; Chi phí khai thác mỏ đá; Chi phí sửa chữa TSCĐ; Công cụ dụng cụ chờ phân bổ; Chi phí lãi mua trả chậm và các chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí dự án khai thác đá được phân bổ theo thời gian khai thác mỏ đá.

13. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

15. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh; chi phí giá vốn dịch vụ xấp xỉ đã quyết toán với chủ đầu tư theo tiến độ hoàn thành từng hạng mục... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng, dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật, dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật) và dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Tập đoàn và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vốn khác); lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp phát sinh trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

23. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các công cụ tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

26. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

26. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	75.349.915.046	82.193.362.311
Tiền mặt	31.329.069.162	29.428.358.594
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.020.845.884	52.765.003.717
Các khoản tương đương tiền	195.676.822.651	171.611.300.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	195.676.822.651	171.611.300.000
Cộng	<u>271.026.737.697</u>	<u>253.804.662.311</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	7.611.576.980	7.611.576.980
Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	7.611.576.980	7.611.576.980
Cộng	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>7.611.576.980</u>	<u>7.611.576.980</u>

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1. Đầu tư vào công ty liên kết	4.654.805.000	4.654.805.000	4.654.805.000	4.531.234.834
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát (a)	4.654.805.000	4.654.805.000	4.654.805.000	4.531.234.834
b2. Đầu tư vào đơn vị khác	17.363.150.000	17.363.150.000	3.750.000.000	3.750.000.000
Cty Lắp máy điện nước IDICO (b)	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO	-	-	1.350.000.000	1.350.000.000
Công Cổ phần SONADEZI Giang Điền (c)	14.963.150.000	14.963.150.000	-	-
Cộng	<u>22.017.955.000</u>	<u>22.017.955.000</u>	<u>8.404.805.000</u>	<u>8.281.234.834</u>

(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 28/05/2014 của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 7 tỷ đồng chiếm 35% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát là 20 tỷ đồng.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO, Công ty CP ĐPTT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 2,4 tỷ đồng chiếm 3% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO là 80 tỷ đồng.

Năm 2017, Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO hoạt động có lãi. Công ty không có bất kỳ giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm liên quan đến Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO.

(c) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP SONADEZI Giang Điền

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP SONADEZI Giang Điền, Công ty CP ĐPTT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 14.963.150.000 đồng chiếm 2,963% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP SONADEZI Giang Điền là 500 tỷ đồng.

Năm 2017, Công ty CP SONADEZI Giang Điền hoạt động có lãi. Công ty không có bất kỳ giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm liên quan đến Công ty CP SONADEZI Giang Điền.

Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2017 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên căn cứ vào các Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư hoặc theo giá gốc ban đầu, tùy theo tình huống hợp cụ thể.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	93.658.434.986	(10.771.900.786)	53.256.060.000	(10.733.356.138)
Khách hàng trong nước	93.658.434.986	(10.771.900.786)	53.256.060.000	(10.733.356.138)
Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu	11.570.697.617	-	1.124.503.738	-
Công ty CP Công Trình Giao Thông Đồng Nai	-	-	11.168.375.634	-
Khách hàng khác	82.087.737.369	(10.771.900.786)	40.963.180.628	(10.733.356.138)
Cộng	93.658.434.986	(10.771.900.786)	53.256.060.000	(10.733.356.138)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	62.602.782.707	-	35.347.227.927	-
Nhà cung cấp trong nước	62.602.782.707	-	35.347.227.927	-
Tiền mua đất trả trước cho bà Trương Hồng Loan	8.515.500.000	-	16.408.000.000	-
Tiền mua đất trả trước cho bà Phạm Mai Thu	3.457.300.000	-	3.457.300.000	-
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.725.833.485	-	-	-
Công ty TNHH ĐTXD Điện Thành Duy	4.500.000.000	-	-	-
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 - CTCP	21.980.058.200	-	-	-
Nhà cung cấp khác	20.424.091.022	-	15.481.927.927	-
Cộng	62.602.782.707	-	35.347.227.927	-

4. b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mua đất trả trước cho bà Trương Hồng Loan	8.515.500.000	-	16.408.000.000	-
Tiền mua đất trả trước cho bà Phạm Mai Thu	3.457.300.000	-	3.457.300.000	-
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	1.384.608.700	-	1.384.608.700	-
Cộng	13.357.408.700	-	21.249.908.700	-
5. Phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	19.794.063.896	(2.140.040.022)	34.089.622.201	(2.140.040.022)
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	2.655.346.575	-	6.690.346.575	-
HDBT Biên Hòa (Khu tái định cư Phước Tân)	-	-	1.955.536.660	-
Trung tâm PT Quý đất TP. Biên Hòa	5.806.960.000	-	9.306.960.000	-
Hợp tác xã An Phát	-	-	9.000.000.000	-
Tạm ứng	4.498.628.038	-	3.244.661.809	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu khác	6.833.129.283	(2.140.040.022)	3.892.117.157	(2.140.040.022)
b. Dài hạn	6.515.284.452	-	3.954.571.885	-
Ký quỹ phục hồi môi trường	5.979.156.884	-	-	-
Ký cược, ký quỹ khác	536.127.568	-	3.954.571.885	-
Cộng	26.309.348.348	(2.140.040.022)	38.044.194.086	(2.140.040.022)
c. Phải thu khác là các bên liên quan	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	2.655.346.575	-	6.690.346.575	-
Cộng	2.655.346.575	-	6.690.346.575	-
6. Nợ xấu	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	15.621.409.866	2.709.469.058	15.905.629.495	3.032.233.335
+ Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của nhiều khách hàng	13.481.369.844	2.709.469.058	13.765.589.473	3.032.233.335
+ Các khoản phải thu khác quá hạn thanh toán	2.140.040.022	-	2.140.040.022	-

7. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.219.653.244	-	6.652.965.078	-
Công cụ, dụng cụ	1.444.993.366	-	1.441.271.178	-
Chi phí SX, KD dở dang	91.576.619.550	-	39.464.454.901	-
Thành phẩm	25.766.180.018	-	17.728.889.436	-
Hàng hoá	2.287.072.369	-	499.115.771	-
Cộng	127.294.518.547	-	65.786.696.364	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Xây dựng cơ bản dở dang	763.854.653.705	-	638.432.821.141	-
- Mua sắm	27.211.772.958	-	12.238.895.784	-
+ Mua thiết bị làm máy xay và mua máy phát điện KVA	27.211.772.958	-	12.238.895.784	-
- Xây dựng cơ bản	736.642.880.747	-	626.193.925.357	-
+ Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	15.276.080.059	-	15.276.080.059	-
+ Chi phí dự án khai thác đá Đồi Chùa	1.318.816.973	-	1.318.816.973	-
+ Chi phí các quyền sử dụng đất đang trong thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng và sang tên (d)	211.322.203.000	-	118.653.944.579	-
+ Chi phí xây dựng mỏ đá Xuân Hòa	21.016.048.724	-	14.518.042.363	-
+ Chi phí xây dựng nhà ở xã hội	14.114.065.537	-	4.707.929.174	-
+ Chi phí dự án Đảo Ó	16.900.000.000	-	-	-
+ Tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa) (e)	3.875.432.321	-	3.875.432.321	-
+ Khu Tái định cư tại xã Bình Minh (f)	89.325.115.114	-	217.018.123.786	-
+ Khu Tái định cư tại xã Phước Tân (g)	153.550.821.768	-	221.801.305.244	-
+ Khu Dân cư tại xã Phước Tân.	1.833.663.622	-	853.513.796	-
+ Dự án đường vận chuyển VLXD tại xã Phước Tân và xã Tam Phước (h)	102.444.874.785	-	28.023.846.153	-
+ Dự án BOT 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM - Long Thành - Dầu Giây (i)	103.894.503.675	-	-	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản khác	1.771.255.169	-	146.890.909	-
Cộng	763.854.653.705	-	638.432.821.141	-

(d) Chi phí các quyền sử dụng đất đang trong thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng và sang tên:

Bao gồm mười (10) chứng nhận Quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ từ các cá nhân cho Công ty CP ĐTPT Cường Thuận. Các QSDĐ này hầu hết là đất nông nghiệp đang tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng và quyền sở hữu cho Công ty CP ĐTPT Cường Thuận.

Trong đó Quyền sử dụng đất đặt Trạm đăng kiểm với giá trị 16,32 tỷ VND đang được công ty thế chấp cho khoản vay của ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (Chi tiết xem Thuyết minh V.17)

(e) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa):

Đây là giá trị bổ sung cho dự án đầu tư cát tạo nền, mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Km1841+912. Toàn bộ giá trị của dự án đã được tạm xác định kết chuyển sang nguyên giá Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 để trích khấu hao kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Thuyết minh số V.10. Giá trị Tuyến tránh tăng thêm nêu trên sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư hoàn thành cùng với giá trị công trình đã tạm kết chuyển vào Nguyên giá với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Bình Minh:

Theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 239.846.453.828 VND (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng; Chi phí xây dựng không bao gồm chi phí xây dựng công viên).

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Phước Tân:

Theo Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 402.142.433.721 VND (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng).

Hai dự án khu tái định cư Bình Minh và Phước Tân sẽ được quyết toán và bàn giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi hai dự án này hoàn thành.

(h) Dự án đường vận chuyển VLXD tại xã Phước Tân và xã Tam Phước:

Căn cứ Hợp đồng BOT số 377/2016/HĐKT ngày 25/01/2016 về việc Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) Dự án BOT đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại xã Phước Tân và xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa giữa Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai, Hợp tác xã An Phát và Công ty CP Đầu tư BOT An Thuận Phát thì Hợp tác xã An Phát và Công ty CP Đầu tư BOT An Thuận Phát được trực tiếp quản lý, kinh doanh hoặc ký các hợp đồng thuê các tổ chức quản lý công việc xây dựng, vận hành, khai thác và bảo dưỡng công trình BOT trong thời hạn Hợp đồng BOT, giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 130.578.849.000 VND (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).

(i) Dự án BOT 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM- Long Thành - Dầu Giây

Căn cứ Hợp đồng BOT số 68/HĐ.BOT-SGTVT ngày 17/07/2017 về việc Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc Tp. HCM- Long Thành - Dầu Giây tại huyện Nhơn Trạch và Thị Trấn Long Thành, giữa Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai, Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO và Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI được trực tiếp quản lý, kinh doanh hoặc ký các hợp đồng thuê các tổ chức quản lý công việc xây dựng, vận hành, khai thác và bảo dưỡng công trình BOT trong thời hạn Hợp đồng BOT, giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 671.763.916.333 VND (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).

9. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 43)

10. Tài sản cố định vô hình	Quyền thu phí Quốc lộ 1 (*)	Quyền thu phí Quốc lộ 91 (**)	Quyền thu phí tính lệ 16 & phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.404.803.496.390	1.240.451.423.045	85.088.838.182	2.730.343.757.617
Tăng trong năm	-	178.538.878.069	-	178.538.878.069
Số dư cuối năm	1.404.803.496.390	1.418.990.301.114	85.088.838.182	2.908.882.635.686

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)	Quyền thu phí Quốc lộ 1 (*)	Quyền thu phí Quốc lộ 91 (**)	Quyền thu phí tỉnh lộ 16 & phần mềm máy tính	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	173.158.188.088	9.341.235.086	84.269.201.823	266.768.624.997
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>90.612.812.532</i>	<i>28.742.420.746</i>	<i>179.253.429</i>	<i>119.534.486.707</i>
Số dư cuối năm	263.771.000.620	38.083.655.832	84.448.455.252	386.303.111.704
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.231.645.308.302	1.231.110.187.959	819.636.359	2.463.575.132.620
Số dư cuối năm	1.141.032.495.770	1.380.906.645.282	640.382.930	2.522.579.523.982

(*) Quyền thu phí Quốc lộ 1 (Đoạn tuyến tránh Tp. Biên Hòa)

Nguyên giá Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 được tạm xác định và sẽ được điều chỉnh lại ngay sau khi Công ty thực hiện quyết toán giá trị đầu tư của dự án này với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty khấu hao Quyền thu phí giao thông tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu thu phí trong kỳ (trương tự phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm) căn cứ văn bản số 9635/BTC-TCDN ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Công ty bắt đầu thu phí tại trạm thu phí Km 1841+912 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2014.

() Quyền thu phí Quốc lộ 91**

Nguyên giá Quyền thu phí tại trạm thu phí hình thành từ dự án đầu tư XDCT cải tạo, nâng cấp QL91 đoạn từ Km14+000 đến Km50+889 theo hình thức hợp đồng BOT được tạm xác định và sẽ được điều chỉnh lại ngay sau khi Công ty thực hiện quyết toán giá trị đầu tư của dự án này với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty trích khấu hao đối với tài sản cố định (hình thành từ dự án đầu tư XDCT cải tạo, nâng cấp QL91 đoạn từ Km14+000 đến Km50+889 theo hình thức hợp đồng BOT) theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (trương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính) căn cứ văn bản số 7979/BTC-TCDN ngày 13/06/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang chính thức thu phí Trạm T1 trên Quốc lộ 91 từ ngày 02/4/2016 và thu phí trạm T2 từ ngày 31/12/2016 để hoàn vốn cho dự án.

Công ty sử dụng Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 và tại trạm thu phí trên Quốc lộ 91 và các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ các Quyền thu phí này nhằm đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn theo Thuyết minh số V.17.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.521.939.141.052 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.670.838.182 VND.

11. Chi phí trả trước	31/12/2017	01/01/2017
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.230.282.133	896.596.185
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.783.520.245	896.596.185
Các khoản khác	2.446.761.888	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	154.260.669.173	135.065.885.219
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.732.409.365	1.501.039.905
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.103.200.904	7.109.724.073
Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16	6.498.355.591	9.097.697.828
Chi phí khai thác đá Phước Tân - Tân Cảng 8	104.647.042.657	73.716.721.961
Văn phòng Trạm thu phí BOT	5.020.314.908	8.288.155.801
Chi phí mỏ đá Bình Lợi	-	130.669.000
Chi phí mỏ đá Đồi Chùa	34.259.345.747	35.221.876.651
Chi phí trả trước khác	1.270.532.984	-
Cộng	159.490.951.306	135.962.481.404

12. Phải trả người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	94.186.108.696	94.186.108.696	151.197.660.782	151.197.660.782
Nhà cung cấp trong nước	94.186.108.696	94.186.108.696	151.197.660.782	151.197.660.782
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	12.606.190.109	12.606.190.109	12.606.190.109	12.606.190.109
Cty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	327.709.435	327.709.435	18.008.605.033	18.008.605.033
Cty TNHH MTV PT Đô thị và KCN IDICO	-	-	4.947.125.852	4.947.125.852
Cty TNHH MTV Đồng Tân	1.109.723.876	1.109.723.876	13.421.880.000	13.421.880.000
Cty TNHH TM KK PETRO Nguyễn Xuân Hòa	-	-	8.269.480.000	8.269.480.000
Cty CP XD 14-9	16.952.997.363	16.952.997.363	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhà cung cấp trong nước khác	63.189.487.913	63.189.487.913	4.737.012.247	4.737.012.247
Cộng	94.186.108.696	94.186.108.696	151.197.660.782	151.197.660.782
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	12.606.190.109	12.606.190.109	12.606.190.109	12.606.190.109
Nguyễn Xuân Hòa	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	12.606.190.109	12.606.190.109	32.606.190.109	32.606.190.109
13. Người mua trả tiền trước			31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn			29.897.536.580	18.783.544.403
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			29.897.536.580	18.783.544.403
Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu			18.952.047.468	9.952.047.468
Khách hàng khác			10.945.489.112	8.831.496.935
Cộng			29.897.536.580	18.783.544.403
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
a. Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	551.655.861	75.080.871.883	70.430.121.108	5.202.406.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.501.770.853	33.342.335.478	37.607.555.721	4.236.550.610
Thuế thu nhập cá nhân	715.553.637	8.163.023.895	6.809.372.907	2.069.204.625
Thuế tài nguyên	193.380.367	5.992.286.235	4.662.148.249	1.523.518.353
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	4.698.199.152	4.318.836.352	379.362.800
Các loại thuế và phí khác	2.221.270.370	70.057.989.376	71.390.222.579	889.037.167
Cộng	12.183.631.088	197.334.706.019	195.218.256.916	14.300.080.191
b. Phải thu	01/01/2017	Số nộp thừa trong năm	Số cần trừ trong năm	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	2.512.904.883	-	2.512.904.883
Thuế TNDN nộp thừa	-	82.262.337	-	82.262.337
Thuế TNCN nộp thừa	524.144	-	524.144	-
Cộng	524.144	2.595.167.220	524.144	2.595.167.220

15. Chi phí phải trả	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	107.246.359.649	78.802.766.484
Chi phí lãi vay	3.445.590.762	3.137.966.920
Chi phí trích trước các công trình QL91 Cần Thơ - An Giang	8.143.397.289	9.167.364.708
Chi phí đầu tư tuyến tránh thành phố Biên Hòa (*)	62.766.104.248	62.952.451.604
Chi phí khu tái định cư Bình Minh và Phước Tân	24.101.641.519	1.930.248.666
Chi phí DA đường chuyên dùng	5.315.897.596	1.400.979.253
Chi phí đường phục vụ vận chuyển vật liệu ra cảng và CP khác	285.728.235	213.755.333
Chi phí quản lý thu phí (**)	3.188.000.000	-
Cộng	107.246.359.649	78.802.766.484

(*) Chi phí này sẽ được tất toán ngay sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận hoàn thành việc quyết toán giá trị Quyền thu phí Quốc lộ 1 với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(**) Trích theo phương án tài chính kèm theo của Thỏa thuận đầu tư giữa Bộ GTVT và Nhà đầu tư - Doanh nghiệp dự án ngày 17/03/2017.

16. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	567.452.829	602.043.543
Bảo hiểm xã hội	-	150.264.723
Bảo hiểm y tế	-	51.133.269
Bảo hiểm thất nghiệp	1.443.443	36.058.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	154.318.000	78.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.374.847.960	34.219.901.844
<i>Trong đó:</i>		
+ Phải trả Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.376.000.000	9.353.600.000
+ Các khoản phải trả khác	26.998.847.960	24.866.301.844
Cộng	33.098.062.232	35.137.652.179
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	315.000.000	315.000.000
Cộng	315.000.000	315.000.000

17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	371.801.139.417	371.801.139.417	286.628.390.840	286.628.390.840
- Ngân hàng Vietinbank Nhon Trạch (j)	263.170.917.126	263.170.917.126	245.128.432.813	245.128.432.813
- Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai (k)	25.642.151.703	25.642.151.703	20.500.250.292	20.500.250.292
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	82.988.070.588	82.988.070.588	20.999.707.735	20.999.707.735

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	2.173.586.539.008	2.173.586.539.008	2.326.699.724.115	2.326.699.724.115
- Ngân hàng Vietinbank Nhơn Trạch (j)	2.016.246.039.970	2.016.246.039.970	1.915.699.024.115	1.915.699.024.115
- Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai (k)	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
- Ngân hàng Vietinbank KCN Biên Hòa	115.000.000	115.000.000	367.000.000	367.000.000
- Ngân hàng Eximbank Đồng Nai	101.600.000	101.600.000	201.200.000	201.200.000
- Ngân hàng SHB - chi nhánh Đồng Nai (l)	2.700.000.000	2.700.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000
- Ngân hàng Tiên Phong - chi nhánh Bến Thành (m)	20.365.411.765	20.365.411.765	23.080.800.000	23.080.800.000
- Ứng vốn ngân sách dự án khu tái định cư (n)	134.058.487.273	134.058.487.273	326.183.000.000	326.183.000.000
<i>Trong đó:</i>				
<i>Ứng vốn cho dự án khu tái định cư Bình Minh</i>	<i>37.464.579.027</i>	<i>37.464.579.027</i>	<i>172.518.000.000</i>	<i>172.518.000.000</i>
<i>Ứng vốn cho dự án khu tái định cư Phước Tân</i>	<i>96.593.908.246</i>	<i>96.593.908.246</i>	<i>153.665.000.000</i>	<i>153.665.000.000</i>
- Ông Nguyễn Xuân Cường	-	-	18.611.300.000	18.611.300.000
- Ông Nguyễn Văn Thuận	-	-	7.834.411.000	7.834.411.000
- Bà Trương Hồng Loan	-	-	26.522.989.000	26.522.989.000
Cộng	2.545.387.678.425	2.545.387.678.425	2.613.328.114.955	2.613.328.114.955

(j) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch

Vay ngắn hạn NH Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0133/2017-HĐCVHM/NHCT681-CUONGTHUANIDICO, ngày 07/8/2017, hạn mức tín dụng 183 tỷ, hạn mức tín dụng này bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 0021/2016-HĐTDHM/NHCT681-CUONGTHUANIDICO ngày 29/7/2016, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa 09 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 9 tháng trả lãi sau + biên độ 4,00%/năm. Biện pháp bảo đảm là các tài sản thế chấp được qui định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa công ty và Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch.

Vay dài hạn Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 15.20.0012/2015-HĐTDDA/NHCT681-QL91 với lãi suất 9%/năm trong thời hạn 15 năm 02 tháng. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

Vay dài hạn Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 16.21.0004/2016-HĐTDDDA/NHCT681-BOTATP trong thời hạn 144 tháng. Tài sản thế chấp là quyền thu phí của dự án.

(j) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (tiếp theo)

HĐTD số 0107/2017-HĐCVĐADT/NHCT681-BOT 319 CUONGTHUAN CTI; Số tiền cho vay tối đa là 537.410.000.000 VND, lãi suất cho vay trung và dài hạn = lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở + Biên độ 4,5%/năm. Thời gian cho vay 180 tháng và thời gian ân hạn là 24 tháng (kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân đầu tiên). Tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là Quyền thu phí các trạm thu phí trên công trình "Đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc Tp.HCM - Long Thành - Dầu Giây theo Hợp đồng BOT phát sinh từ Hợp đồng BOT số 68/HĐ.BOT-SGTVT ngày 17/07/2017 được ký giữa Sở GTVT tỉnh Đồng Nai, Công ty CP ĐT Phát Triển Cường Thuận IDICO và Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI.

(k) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai theo hợp đồng vay số 2017073/HM/KHDN, ngày 30/8/2017 theo hợp đồng nguyên tắc số 2012043/KHDN/NHNT ngày 01/8/2012, hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi lần giải ngân tối đa là 08 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Hợp đồng bảo đảm là hợp đồng thế chấp quyền thu phí số 2012023/HĐTC/NHNT ngày 01/8/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 015/2013/VCB Đồng Nai ngày 28/6/2013, hợp đồng thế chấp tài sản số 2013017/HĐBĐ/NHNT ngày 11/7/2013 và các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã, đang và sẽ được ký kết giữa Công ty và ngân hàng.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai của 03 hợp đồng vay, gồm HĐ số 2023073/DA/KHDN ngày 23/12/2013, HĐ 2013029/DA/ KHDN ngày 12/7/2013, HĐ 2013018/DA/KHDN ngày 13/6/2013, Lãi suất được qui định theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

(l) Thuyết minh cho các khoản vay Ngân hàng SHB - chi nhánh Đồng Nai

Vay trung dài hạn NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 770-2016/HĐTĐTDH-PN/SHB.130400, ngày 21/10/2016, số tiền vay 8,1 tỷ, với thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng 8,5%/năm cố định sáu tháng đầu, sau đó thay đổi 3 tháng/lần theo lãi suất huy động tiền gửi trả lãi sau 12 tháng + biên độ 2%/năm. Tài sản bảo đảm là tài sản thế chấp được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp tài sản số 770-2016/HĐTC-PN/SHB.130400 ngày 21/10/2016 được ký kết giữa công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

(m) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng Tiên Phong - chi nhánh Bến Thành

Vay trung dài hạn NH TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng cho vay số 08-15.16.1/HĐTD/TPBANK, ngày 05/10/2016, với hạn mức tín dụng 33 tỷ, với thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên và được ân hạn 12 tháng. Lãi suất cho vay bằng 8,5%/năm cố định từ ngày nhận nợ đầu tiên, thay đổi 3 tháng một lần trong năm đầu tiên, sau đó thay đổi 3 tháng/lần theo bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của các ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank + biên độ 2%/năm. Tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 45, Xã Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai của Ông Nguyễn Xuân Hòa và Bà Phạm Thị Anh Tuyết mà công ty đã mua và đang làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng cho dự án Trạm dừng kiểm xe cơ giới. Tài sản đảm bảo khác là nguồn thu từ dự án Trung tâm dừng kiểm xe cơ giới số 60-05D được ký kết giữa công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành.

(n) Thuyết minh các khoản ứng vốn ngân sách dự án khu tái định cư

Khoản ứng vốn ngân sách theo các văn bản số 438/UBND-ĐT ngày 19/01/2015, văn bản số 3768/TB-UBND ngày 22/5/2015 và văn bản số 9987/TB-UBND ngày 30/11/2015, Quyết định số 35/QĐ.HĐQL ngày 20/09/2016 của UBND Tỉnh Đồng Nai. Mục đích sử dụng tiền tạm ứng là để thực hiện dự án hạ tầng khu tái định cư tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

Khoản ứng vốn này sẽ được tái toán giữa Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận và các cơ quan ban ngành khi hai dự án khu tái định cư Bình Minh và Phước Tân hoàn thành.

18. Dự phòng phải trả	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	12.652.829.727	10.386.568.187
Phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên tính lộ 16	-	3.183.840.913
Phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên Tuyến tránh QLI (tuyến tránh) (***)	5.692.258.182	5.073.636.364
Phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên quốc lộ 91 (***)	6.960.571.545	2.129.090.910
b. Dài hạn	30.924.953.689	21.445.000.000
Chi phí trung tu, đại tu Tuyến tránh QLI (tuyến tránh)	27.353.100.000	21.445.000.000
Dự phòng phải trả khác (Chi phí hoàn nguyên môi trường...)	3.571.853.689	-
Cộng	43.577.783.416	31.831.568.187

(***) Chi phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên Tuyến tránh QLI được trích theo Văn bản số 4742/TCDBVN-QLBTDB ngày 03/08/2017 về việc "Thỏa thuận kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2017, Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến QLI đoạn tránh TP. Biên Hòa theo hình thức BOT".

(****) Trích theo Quyết định số 10/2017/QĐ-CTAG ngày 04/08/2017 về việc phê duyệt dự toán chi phí công tác Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên đường năm 2017, Dự án ĐTXD công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91...)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2017	01/01/2017
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.834.727.858	1.540.671.682
Cộng	1.834.727.858	1.540.671.682

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 44)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tổng công ty IDICO	1,11%	7.000.000.000	7.000.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	98,89%	622.999.970.000	422.999.970.000
Cộng	100,00%	629.999.970.000	429.999.970.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn góp của chủ sở hữu	629.999.970.000	429.999.970.000
Vốn góp đầu năm	429.999.970.000	329.999.970.000
Vốn góp tăng trong năm	200.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối năm	629.999.970.000	429.999.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	124.899.993.100	49.499.995.500

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	62.999.997	42.999.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.999.997	42.999.997
Cổ phiếu phổ thông	62.999.997	42.999.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.997	42.999.997
Cổ phiếu phổ thông	62.999.997	42.999.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	20.394.669.159	14.783.537.213
Nguồn vốn đầu tư XDCB	11.120.427	11.120.427
Cộng	20.405.789.586	14.794.657.640

20. e. Các quỹ của doanh nghiệp (tiếp theo)

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	34.732.490.204	16.453.217.489
Doanh thu bán thành phẩm công các loại	82.392.482.416	64.990.233.177
Doanh thu bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	96.064.929.171	29.069.706.776
Doanh thu cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	392.040.909.043	510.137.256.555
Doanh thu thu phí tính lộ 16	58.342.039.093	52.963.400.910
Doanh thu thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	257.556.022.729	293.125.968.190
Doanh thu thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91	157.148.281.818	66.044.300.000
Doanh thu dịch vụ du lịch và nhà hàng	3.085.083.811	-
Doanh thu khác	12.097.911.547	1.376.027.374
Cộng	1.093.460.149.832	1.034.160.110.471
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	34.732.490.204	16.453.217.489
Doanh thu thuần bán thành phẩm công các loại	82.392.482.416	62.841.044.287
Doanh thu thuần bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	96.064.929.171	29.069.706.776
Doanh thu thuần cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	392.040.909.043	504.955.279.824
Doanh thu thuần thu phí tính lộ 16	58.342.039.093	52.963.400.910
Doanh thu thuần thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	257.556.022.729	293.125.968.190
Doanh thu thuần thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91	157.148.281.818	66.044.300.000
Doanh thu thuần dịch vụ du lịch và nhà hàng	3.085.083.811	-
Doanh thu thuần hoạt động khác	12.097.911.547	1.361.892.174
Cộng	1.093.460.149.832	1.026.814.809.650
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn		
Giá vốn bán hàng hóa	32.103.722.855	14.976.567.688
Giá vốn bán thành phẩm công các loại	51.105.746.004	45.516.654.831
Giá vốn bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	53.336.605.955	30.842.531.181
Giá vốn cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	300.609.290.038	399.898.383.054
Giá vốn dịch vụ thu phí tính lộ 16	14.579.729.850	20.800.867.246
Giá vốn dịch vụ thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	102.182.659.275	103.273.939.371
Giá vốn dịch vụ thu phí giao thông trạm thu phí trên Quốc lộ 91	36.021.628.563	11.470.325.996
Giá vốn dịch vụ du lịch và nhà hàng	1.706.738.444	-
Giá vốn hoạt động khác	6.676.686.784	1.047.130.760
Cộng	598.322.807.768	627.826.400.127
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.485.286.016	8.553.939.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	288.000.000	282.392.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.046.106	-
Cộng	9.779.332.122	8.836.332.229

	Năm 2017	Năm 2016
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	213.312.570.447	174.535.375.266
Phí bảo tồn vốn tự có tính lệ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Chi phí tài chính khác	126.498.212	1.209.692.919
Cộng	215.447.168.775	177.753.168.301
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.178.185.358	1.112.329.203
Chi phí vật liệu, bao bì	-	103.573.286
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.983.330	147.416.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.352.668	29.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.007.765.856	2.946.333.860
Chi phí bằng tiền khác	810.676.457	670.500.568
Cộng	17.287.963.669	5.009.553.583
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	29.745.517.097	22.267.114.427
Chi phí vật liệu, bao bì	237.968.481	102.984.402
Chi phí đồ dùng văn phòng	778.797.419	780.610.498
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.876.011.656	13.011.236.128
Thuế, phí, lệ phí	40.187.652	10.156.509
Dự phòng phải thu khó đòi	38.544.648	2.899.700.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.434.639.466	42.976.326.472
Chi phí bằng tiền khác	11.456.882.154	8.068.782.261
Cộng	84.608.548.573	90.116.911.678
7. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	170.909.091
Hoàn phí bảo tồn vốn TL16	2.008.100.116	2.008.100.116
Các khoản khác	666.354.582	809.924.680
Cộng	2.674.454.698	2.988.933.887
8. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	165.824.791	-
Các khoản bị phạt	6.244.858.339	3.127.007.095
Các khoản khác	21.335.246	1.280.918.980
Cộng	6.432.018.376	4.407.926.075
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311.263.674.187	414.344.454.809
Chi phí nhân công	104.926.547.717	94.820.391.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.618.385.819	161.987.566.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.046.730.016	118.554.660.195
Chi phí khác	36.127.596.773	26.323.692.526
Cộng	745.982.934.512	816.030.765.484

	Năm 2017	Năm 2016
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(340.471.518)	(527.053.508)
Cộng	(340.471.518)	(527.053.508)
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	146.813.337.466	107.691.784.310
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(9.836.493.610)	(10.048.924.308)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.340.666.873)	(5.911.131.946)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(2.495.826.737)	(4.137.792.362)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	136.976.843.856	97.642.860.002
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.726.024	35.739.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.598	2.732
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	136.976.843.856	97.642.860.002
Lợi nhuận/lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	136.976.843.856	97.642.860.002
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.726.024	35.739.723
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	52.726.024	35.739.723
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.598	2.732

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc đã định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giá định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

13.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền gửi và khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Kỳ này		
VND	+200	(42.806.049.069)
VND	-200	42.806.049.069
Cùng kỳ năm trước		
VND	+100	(19.697.216.124)
VND	-100	19.697.216.124

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt Tập đoàn thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Dưới 90 ngày	80.177.065.142	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	13.481.369.844
Tổng cộng giá trị ghi sổ	80.177.065.142	-	-	13.481.369.844
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(10.771.900.786)
Giá trị thuần	80.177.065.142	-	-	2.709.469.058

12.2 <i>Rủi ro tín dụng (tiếp theo)</i>	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Dưới 90 ngày	39.490.470.527	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	13.765.589.473
Tổng cộng giá trị ghi sổ	39.490.470.527	-	-	13.765.589.473
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(10.733.356.138)
Giá trị thuần	39.490.470.527	-	-	3.032.233.335

12.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	371.801.139.417	1.005.140.149.465	1.168.446.389.543	2.545.387.678.425
Phải trả người bán	94.186.108.696	-	-	94.186.108.696
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	64.018.542.561	-	-	64.018.542.561
Cộng	530.005.790.674	1.005.140.149.465	1.168.446.389.543	2.703.592.329.682
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay và nợ	286.628.390.840	1.158.253.334.572	1.168.446.389.543	2.613.328.114.955
Phải trả người bán	151.197.660.782	-	-	151.197.660.782
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	38.862.051.164	-	-	38.862.051.164
Cộng	476.688.102.786	1.158.253.334.572	1.168.446.389.543	2.803.387.826.901

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay, nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng phần lớn quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, quyền thu phí phát sinh từ các Hợp đồng BOT số 29/HĐ.BOT-CĐBVN ngày 18/12/2009; Hợp đồng BOT số 61/HĐ.BOT-BGTVT ngày 24/10/2014 (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính) và quyền sử dụng đất Trạm đăng kiểm (Thuyết minh số V.8 - Tài sản dở dang dài hạn) làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Tập đoàn. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Tập đoàn không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 45)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có linh thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không có.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.
3. Mua và thanh lý công ty con trong năm báo cáo: không có.

	Năm 2017	Năm 2016
4. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	743.666.749.074	885.817.431.341
5. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	634.416.465.759	592.664.593.332

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính 2017:

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan phát sinh lũy kế đến cuối kỳ này như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Trả trước tiền thi công công trình Quốc lộ 51		1.384.608.700
		Tập đoàn phải thu khác		2.655.346.575
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Phải trả tiền thi công các gói thầu Công trình QL51		(12.606.190.109)
Bà Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT Phó TGD	Trả trước tiền mua đất		8.515.500.000
Bà Phạm Mai Thu	Phó TGD Kế toán trưởng	Trả trước tiền mua đất		3.457.300.000

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	1.773.339.583	1.201.462.120
Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	4.401.502.000	4.111.726.846
Cộng		6.174.841.583	5.313.188.966

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2017

Kết quả kinh doanh năm 2017, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất công - gói công, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, bộ phận kinh doanh xăng dầu và các dịch vụ khác. Tập đoàn phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận kinh doanh xăng dầu	34.732.490.204	32.103.722.855	2.628.767.349
Bộ phận sản xuất công, BTNN	82.392.482.416	51.105.746.004	31.286.736.412
Bộ phận khai thác, gia công đá các loại	96.064.929.171	53.336.605.955	42.728.323.216
Bộ phận công trình xây lắp	392.040.909.043	300.609.290.038	91.431.619.005
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	58.342.039.093	14.579.729.850	43.762.309.243
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 1	257.556.022.729	102.182.659.275	155.373.363.454
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 91	157.148.281.818	36.021.628.563	121.126.653.255
Bộ phận du lịch và nhà hàng	3.085.083.811	1.706.738.444	1.378.345.367
Bộ phận khác	12.097.911.547	6.676.686.784	5.421.224.763
Cộng	1.093.460.149.832	598.322.807.768	495.137.342.064

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2016

Kết quả kinh doanh năm 2016, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất công - gói công, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Tập đoàn phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận kinh doanh xăng dầu	16.453.217.489	14.976.567.688	1.476.649.801
Bộ phận sản xuất công, BTNN	62.841.044.287	45.516.654.831	17.324.389.456
Bộ phận khai thác, gia công đá các loại	29.069.706.776	30.842.531.181	(1.772.824.405)
Bộ phận công trình xây lắp	504.955.279.824	399.898.383.054	105.056.896.770
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	52.963.400.910	20.800.867.246	32.162.533.664
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 1	293.125.968.190	103.273.939.371	189.852.028.819
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 91	66.044.300.000	11.470.325.996	54.573.974.004
Bộ phận khác	1.361.892.174	1.047.130.760	314.761.414
Cộng	1.026.814.809.650	627.826.400.127	398.988.409.523

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tập đoàn có xưởng sản xuất và các trạm thu phí tọa lạc trên cùng địa bàn là tỉnh Đồng Nai, hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm dịch vụ chỉ tập trung ở tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Các thông tin khác

Ngày 30/6/2017, Công ty đã nhận được sự phê duyệt chấp nhận thay đổi niêm yết của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCKNN) về 18.000.000 cổ phiếu phổ thông (tương ứng với tổng mệnh giá là 180.000.000.000 VND) - phát hành cổ phiếu riêng lẻ, lưu hành theo Quyết định số 234/QĐ-SGDHCM, theo đó ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là ngày 04/7/2017.

Ngày 07/8/2017, Công ty đã nhận được sự phê duyệt chấp nhận thay đổi niêm yết của UBCKNN về 2.000.000 cổ phiếu phổ thông (tương ứng với tổng mệnh giá là 20.000.000.000 VND) - phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; lưu hành theo Quyết định số 921/QĐ-SGDHCM, theo đó ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là ngày 08/8/2017.

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Hồng

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Mai Thu



Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2017	34.448.570.203	183.862.684.594	71.673.564.155	3.255.445.327	44.257.571.248	337.497.835.527
Mua trong kỳ	35.584.942.683	9.865.636.363	16.656.799.434	-	-	62.107.378.480
Thanh lý, nhượng bán	-	(929.292.727)	-	-	-	(929.292.727)
Số dư tại ngày 31/12/2017	70.033.512.886	192.799.028.230	88.330.363.589	3.255.445.327	44.257.571.248	398.675.921.280
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2017	7.193.123.156	128.473.451.982	47.251.451.423	2.547.271.492	35.853.573.622	221.318.871.675
Khấu hao trong kỳ	1.907.027.312	12.805.647.148	6.687.817.278	569.066.489	3.365.571.705	25.335.129.932
Thanh lý, nhượng bán	-	(445.286.118)	-	-	-	(445.286.118)
Số dư tại ngày 31/12/2017	9.100.150.468	140.833.813.012	53.939.268.701	3.116.337.981	39.219.145.327	246.208.715.489
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 01/01/2017	27.255.447.047	55.389.232.612	24.422.112.732	708.173.835	8.403.997.626	116.178.963.852
Số dư tại ngày 31/12/2017	60.933.362.418	51.965.215.218	34.391.094.888	139.107.346	5.038.425.921	152.467.205.791

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 82.916.107.308 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 156.879.538.381 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	329.999.970.000	9.550.139.279	13.256.026.142	11.120.427	80.045.782.089	173.576.821.764	606.439.859.701
Tăng vốn	100.000.000.000	116.088.200.000	-	-	-	9.000.000.000	225.088.200.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	107.691.784.310	5.157.503.107	112.849.287.417
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.795.000.000	1.795.000.000
Trích lập quỹ	-	-	1.527.511.071	-	(1.527.511.071)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.018.340.714)	-	(1.018.340.714)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.499.995.500)	(7.729.500.000)	(57.229.495.500)
Trích lập thủ lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.460.301.078)	-	(1.460.301.078)
Giảm khác	-	-	-	-	(282.392.990)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	429.999.970.000	125.638.339.279	14.783.537.213	11.120.427	133.949.025.046	181.799.824.871	886.181.816.836
Số dư tại ngày 01/01/2017	429.999.970.000	125.638.339.279	14.783.537.213	11.120.427	133.949.025.046	181.799.824.871	886.181.816.836
Tăng vốn	200.000.000.000	257.995.000.000	-	-	-	51.900.000.000	509.895.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	146.813.337.466	7.094.704.193	153.908.041.660
Tăng khác	-	-	-	-	-	78.015.891	78.015.891
Trích lập quỹ	-	-	5.911.131.946	-	(5.911.131.946)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.911.131.946)	-	(5.911.131.946)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(124.899.993.100)	(7.214.200.000)	(132.114.193.100)
Trích lập thủ lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.305.699.754)	(456.085.106)	(2.741.784.860)
Giảm khác	-	-	(300.000.000)	-	-	-	(300.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	629.999.970.000	383.633.339.279	20.394.669.159	11.120.427	141.734.405.766	233.222.259.849	1.408.995.764.480



Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2018

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Quang